

PHẨM: ĐỆ TỬ

Phẩm Đệ Tử là chiết phục vô vi duyên tập, có hai: a) Nêu ý phân chương. b) Tùy chương giải nghĩa, Chính nói ý có phẩm này: nói chung ý có phẩm này. Nhân độ, tức là Ta-bà, Hán dịch là Kham nhẫn. Nói riêng ý có phẩm này, Nêu chương và tùy giải thích, Trình bày ngài Tịnh Danh thẳng trí. khiến bốn chúng bỏ tiểu mền đại, Chính là Tiểu thừa. Bỏ thọ trì y..., là kinh ấy ba trăm Tỳ-kheo nghe Bát-nhã, đều dùng y Tăng-già-lê mà cúng dường. Trong luận hoặc nói vong tướng, hoặc nói trong ngày ấy lại được lại. Hai, “cũng thông ...” là chê khai bốn chúng. Khai phát bốn chúng không phải là riêng làm Tỳ-kheo Tiểu thừa. Giúp thành Phật quốc, như ngài Thân Tử tự kể. Tức đáp Phạm vương rằng ta thấy cõi này đầy đầy uest ác. Ngài Tịnh Danh đến thì mất. Đây là phá lỗi chấp tiểu của năm trăm vị. Không phải chỉ riêng có ngài Thân Tử. “Cho nên ...” là nói sự hèn kém của mình. Khiến được ngôi tòa, là do xưa bị chê trách để ngầm phát ý mền mộ đại. Do đây làm duyên khiến được dự ngôi tòa này, được nghe pháp nay tức Phật quốc. Tình đồng năm trăm, là cùng đồng với năm trăm trưởng giả nguyện nghe được Phật cõi thanh tịnh. Chưa bày ra thân khẩu nên nói là tình đồng. “Mà đấng ...” là mượn tòa ngôi của Phật Đấng Vương và xin cơm ở Hương tích là chỉ cho bốn ở Vô động. Tiểu thừa đã mục kích nói giúp thành nghĩa chương Phật quốc ý chỉ rất sáng tỏ.

Tiếp, trách Nhị thừa thành giáo sinh tô, Tiếng chấn động đại thiên, là trong phẩm bất tư nghì ngài Ca-diếp tự thuật. Sự... sinh tô, là những kẻ hèn kém mền việc chuyển lạc thành sinh tô. Nguyên do thành sinh tô, Tiêm sư nói: Việc chê trách ngày xưa là đã được sinh tô. Cuối cùng nay nhắc lại thời chúng lại được lợi sinh tô. Xưa là nguyên do của ích lợi ngày nay.

Tiếp phần giải nghi. Ấn định thành kinh, chánh giải: Tức bỏ giáo phương tiện. Chữ “phương” là người sau vọng thêm vào. Nay tìm xem lại ở quảng sơ và tiêm ký thì đều không thấy chữ phương. Nói dứt tiện giáo, nghĩa là trách người ấy nghe xong lời ấy liền bỏ. Nếu không nhân sai kể lại việc xưa thì giáo ấy sẽ hưng lại. Những điều nói ra đối trước Phật mong được ấn định, lợi ích đến vị lai, chức vị do đây vậy. Ấn định, Lưu hy trong Thích danh nói: Ấn là tin. Do đó đối vật để chứng nghiệm. Hóa thân trong thuyết văn nói: “Chấp chính phải giữ tín”. Phật đã chấp nhận có thể như thế là có ấn tín.

Tiếp đến giải nghi. Và lược giải thích nghĩa đệ tử. Đây tức giải

thích tên phẩm. Văn có hai: a, Nêu vấn đề. b, tùy giải thích: Lược giải thích danh nghĩa, có hai:

a. Chánh giải thích. Trong văn trước giải thích danh.

b. Kết quy. Giải thích danh lại có ba: a, Phân bày nghĩa thầy trò. b, chánh giải thích nghĩa đệ tử. c, Dẫn Nho làm chứng.

Phân giải nghĩa thầy trò, nói thợ có khả năng thành việc, Tôn Khanh Tử nói: Can tương, mặt tà, cự khuyết tịch lữ... đây là những loại kiếm quý ngày xưa. Song nếu không gia công mài thì không bén, không có sức người thì không chặt đứt được. Phàm người tuy có tánh chất tốt nhưng tâm trí phải sáng suốt tìm thầy hiền mà thờ, chọn bạn lành mà chơi. Đức tư bảm tức là sự thu nhận của người học thợ pháp ở thầy nên gọi là tư (trò). Luận ngữ nói: Tử Lộ nghe lời Khổng Tử nói chưa thể làm được chỉ sợ có nghe. “Tư tắc...” là kế chánh giải nghĩa Đệ tử. Trước giải nghĩa chữ tử, sau giải nghĩa chữ đệ. Sở dĩ nói đệ tử, nói đệ là chỉ thầy khiêm nhường, còn tử là chỉ mình kính trọng. Khiêm kính đều bày nên nói đệ tử. Do đó mà xưng là đệ tử. Thầy cũng gọi mình là đệ tử. Cho nên biết tiếng ấy gồm cả kính nhường. Bỏ cha theo thầy, Cốc Lương nói Lỗ Chiêu Công nói: Con đã sinh rồi không tránh được nạn nước lửa là tội của mẹ. Thành trẻ rồi mà không đến học thầy là tội của cha. Đến thầy học hỏi hết cách mà tâm trí không thông là tội của thầy. Kính thầy như cha, đời người có ba việc thờ kính, luôn kính thầy như cha, xem trò như em là đối xử với học trò coi họ như hàng em cháu. Cố phu ...” là dẫn nho làm chứng. Luận ngữ nói: Nhan Uyên chết học trò muốn làm đám tang trọng hậu, Khổng Tử nói không nên. Học trò vẫn chôn cất trọng hậu. Khổng Tử nói nhan hồi xem ta như cha, mà ta không xem ông ấy như con, không phải lỗi ở ta: Vì ta có đến hai, ba con vậy. Nay đại sư dẫn ra đối lời khiến cho dễ hiểu mà thôi. Song giải thích nghĩa đệ tử lại có hai nhà: 1. Ngài Nam Sơn giải rằng: Học sau thầy nên gọi là đệ, hiểu do thầy nên gọi là tử. 2. Tiên Nho giải rằng: Lấy lễ phụ huynh mà thờ thầy nên gọi là đệ tử. Tóm lại có ba giải thích cũng giống như lan cúc. kim thân ...” là kết quy. Cho nên biết đệ là hiển bày sự khiêm nhường của Như Lai. Tử là bày rõ sự kính trọng của hàng Thanh văn. Nên gọi là phẩm Đệ Tử.

Liệu giản: Hỏi: Tất cả chúng sinh đều là Phật tử là vì sinh sinh tâm Phật, tâm Thánh phàm là lý một cũng như Thiên tánh tương quan nhau giữa cha con. Chúng sinh ở mê như con, chư Phật ở ngộ như cha.

Đáp: Thái tử. Theo luật nhà Hán thì con nối ngôi vua gọi là thái tử, con nối ngôi các vương hầu thì gọi là thế tử. Đây tức là căn cứ ở

lý, là so với tục mà gọi là lý, kỳ thật là căn cứ ở sự. Thế gian và xuất thế gian, tức thái tử là thế gian, thành Phật đạo là xuất thế. Thuận tục không tranh cãi, như Đại kinh nói: Nếu đời nói có, ta cũng nói có, nếu đời nói không ta cũng nói không. Cho nên thuận theo giáo của Trọng Ni mà giải thích nghĩa đệ tử.

Riêng nói chỉ hầu gần, có hai: a, Hỏi. b, Đáp. Thần tiêu là sớm tối sự lý tròn đủ, là từ nghe sinh hiểu, là căn cứ ở lý làm đệ tử. Sự sự tiếp nhận, là căn cứ ở sự làm đệ tử. “Lại nữa ...”, là từ tiểu lập ra mà gọi. Trước tiểu diễn đối nhau mà nói năm thứ Phật tử, Tiêm sư nói tức bốn quả và Bích-chi-Phật. Ngài Kinh Khê nói: cho nên Đại luận nói kinh Thanh Văn lấy Bồ-tát làm giống như con, vì chưa đoạn hết hoặc. Thanh văn là con thật, vì đã đoạn hoặc. Kinh Đại thừa lấy Bồ-tát làm con thật mà cầu thật quả, còn Thanh văn là giống như con vì không có nguyện Đại thừa. “Nay ...” là bỏ Diễn theo Tiểu. Đời nhiều tin dùng, là nói theo ý Tiểu. Vì hình thức y phục Tiểu thừa đã thân quen nên người tin dùng. Kinh gia nêu ý phẩm ở đây vậy.

Giải thích mười đệ tử, có hai: a, trước nói hạnh nêu dị đồng. “Một mực ... ý đồng” ngài Kinh Khê nói Pháp Hoa ba khắp cũng lấy Thân Tử làm thượng căn. Nay ngài cũng đứng đầu. Pháp Hoa dùng Ca-diếp... bốn người làm trung căn. Nay kinh cũng thứ lớp để sau Thân Tử. Pháp Hoa lấy A-nan làm hạ căn. Kinh này cũng lấy phần đủ của chín đức, trung tiểu không đồng nên nói một mực. “Nhưng như ...” là giữ pháp giúp Phật, có hai: a, Chánh giải thích. Như Lai Pháp vương là nối đạo Như thật, Lai thành Chánh giác. Đây cũng theo lịch số mà lên ngôi vua. Vương là cùng về, là tất cả người trong thiên hạ đều quy về. Nay cả pháp giới đều về nên xưng là Pháp vương. “Trước khai ... Phụ dục”. Phụ là phò tá, Dục là giúp đỡ. Ngài Kinh Khê nói theo lệ khi mới định xã tắc việc lập công phải nhờ trung thân tâm phúc phò tá giúp đỡ. Luận nghị đến cùng, luận nghị đều thuộc về nói năng bàn bạc. Văn Tâm Điều Long nói: Luận là đạo lý. Luân lý mà không ngạc nhiên thì Thánh ý không đổ vỡ. Nghị là tuyên nói. Có người nói một mình làm nghĩa là sai. Đến cùng là nghị luận rất ráo để phân định chánh tà. Liệu giản, có hai: a, Hỏi: Ngài Thân Tử cầm giải áo, là trong kinh A-hàm quyển hai mươi có nói: Khi Phật ở ao A-nậu-đạt, Long vương thưa Phật rằng: Chúng ở đây chưa thấy ngài Xá-lợi-phất, xin Đức Phật cho mời đến. Phật liền sai ngài Mục-liên đến Kỳ hoàn gọi ngài Thân Tử. Đang lúc ngài may y ngũ nạp. Ngài đáp thầy về trước tôi sẽ đến sau. Ngài Mục-liên nói tôi được Phật sai làm sứ giả, sao về trước được. Ngài Mục-liên lấy tay sờ

vào y ngài Xá-lợi-phất đang may thì y liền may xong. Ngài Thân Tử nghĩ thầy Mục-liên đùa thử ta chăng, thì ta cũng thử lại, rồi ngài quăng sợi dây buộc áo “dãi áo) xuống đất và nói: Thầy thử lấy lên xem được chăng? Ngài Mục-liên tự nghĩ: Thầy Thân Tử đùa thử ta đây, bèn cố hết sức nhắc dây lên, nhưng không được. Khi ấy ngài Thân Tử lấy dây buộc vào cây Diêm-phù. Ngài Mục-liên kéo dây thì cả một châu thiên hạ cho đến cả đại thiên đều rung động, nhưng cây vẫn không đứng lên được. Ngài Thân Tử lại buộc dây vào các tòa Phật khác ở mười phương, ngài Mục-liên kéo dây nhưng vẫn bất động. Ngài Mục-liên tự nghĩ thần lực của ta là bậc nhất mà cố làm vẫn không động đậy được, có lẽ thần lực sắp mất. Nhân đó hối thúc ngài Thân Tử mau đến chỗ Phật. Ngài đáp thầy cứ đi trước. Khi ngài Mục-liên về đến chỗ Phật thì thấy ngài Thân Tử đã đến trước mình. Ngài Mục-liên đem việc bạch Phật... đây đủ như trong số nói.

Đáp: Ở mười đức tự có người riêng đứng đầu, nghĩa là mười người mỗi vị đều có đủ mười đức. Như ngài Mục-liên so với ngài Thân Tử thì mười đức của ngài Mục-liên đều kém, mười đức của ngài Thân Tử đều cao hơn. Nhưng ngài Thân Tử đối với mười đức của mình thì trí tuệ là cao hơn hết, còn ngài Mục-liên đối với mười đức của mình thì thần thông là bậc nhất. Cho nên nói từ chỗ hơn mà được tên. Cả mười đức của ngài Thân Tử đều hơn thì Thần thông của ngài Mục-liên kém hơn đâu có gì lạ? Dem hai người xét tượng trưng thì tám người kia có thể biết. Bát tòa khanh mỗi vị đều nắm quyền. Tục Hán Thư nói: Quang Võ để lại phân thêm Tam Công Tào làm hai tào. Một tào chủ việc ghi chép số sinh suất và tử suất ở các châu quận. Đối Thường thị tào làm Lại tào, chủ việc tuyển chọn người nối ngôi. Hôn Tào chủ việc ruộng muối ao vườn. Khách tào chủ việc hộ giá vua và việc các Rợ, Khương Hồ triều cống. Nhị Thiên Thạch Tào chủ việc Từ tụng, Trung đô quan chủ việc nạn nước lửa trộm cướp. Tam công là sáu tào cùng có hai người hầu nên gọi là bát tòa. Cho nên nói mỗi vị đều nắm quyền. Do đó, phân mười đức, mỗi đức thuộc một người.

Hỏi: Thân Tử có mười đức đều cao, vì sao Thân Tử không chuyên quyền cả mười đức?

Đáp: Minh quân cầm quyền còn không bỏ người. Đấng Pháp vương độ đời há lại lấy một mình. Cho nên tùy sở trường mỗi người mà gọi là bậc nhất. Nên kinh Tăng Nhất nói các đệ tử ta Thần thông yếu chỉ kể Mục-liên là bậc nhất, các đệ tử Phật đều riêng khen ngợi.

Đối chung tâm số: dẫn luận bày nghĩa. Dẫn kệ luận nói số. Ngài

Kinh Khê nói: Trong đây chỉ dựa vào tên cũ mà nêu. Nếu bản dịch mới nói thọ tướng tư xúc dục tuệ niệm cùng tác ý, thắng giải, Tam-ma-địa khắp ở tất cả tâm, thì so với tên cũ này chỉ lấy xúc là canh lạc, thọ là thống là khác, còn các tên khác đều giống. Song hai tên này chỉ tên là khác mà nghĩa thì đồng. “ Đây thông ... ” là căn cứ ở vua tôi mà bày nghĩa. Như nước có mười quan đại thần “tôi). Cho nên trong Cao Tăng truyện ngài Tùy Đức Sơn nói: Về pháp phiền loạn thì đạo tục đồng tội xấu. Cho nên chính trị phiền thì nước loạn, tâm phiền thì ý loạn. Nước trong thì có thể thấy được cá đá (ở đáy). Thần trong mà tướng đảo thì có thể biết. Kẻ học thanh giản còn tự ôn ào, hướng là ở trong loạn sử thì đâu có thể làm đạo được. “ Lại nữa ... ”, là phối hợp sư đệ. Nói sư đệ lợi tha, Dẫn chứng về phối hợp. Giúp nhau đến như thế, là nếu sư đệ cùng làm thiện ác thì kẻ hậu học đều làm theo. Lệ theo vua tôi trước nên nói cũng lại như thế. Dẫn văn làm chứng: Nay vương số có nghĩa sư đệ. Phật vì ... ” là chánh bày lợi tha. Cộng hóa chúng sinh vương số, là khiến chúng sinh học giáo tu hành, thì tâm vương và tâm số đều thiện. “ Nếu chúng ... ”, ngài Kinh Khê nói kiến tu hai đạo đều tu chánh trợ, vì sao trong kiến đạo thì dùng chánh hạnh, còn trong tu đạo lại dùng hạnh hạnh? Đáp: Đây có hai nghĩa: 1. Lấy pháp so pháp, quán lý quán sự để phán quyết chánh trợ. 2. Từ người đã nhập sơ quả rồi mới được chánh vị. Kế “ từ đây ... ” là lại tu sự quán trợ, hiển bày chánh lý thành ba quả sau. Lại ở tu đạo mới là từ hạnh tu hạnh, nên nói là hạnh hạnh.

Căn cứ ở pháp môn nhập đạo, có hai: a, Nói chúng sinh mười số đều có thể thông, tức mười pháp môn có thể thông đến Niết-bàn. Ngài Kinh Khê nói: Nói ý này đâu chỉ gọi thẳng thế gian tâm số mà thôi, mà cũng thành pháp môn. Vì sao, nếu ở phàm phu thì chỉ gọi là hữu, đến khi bốn khô thì gọi là khô trong đó thọ tướng tư... thành khô pháp môn, vinh và song phi (đều không phải). Chuẩn theo đây để nói trong đây phương đẳng không định Tiệm đốn, đều không ra ngoài thọ tướng... “ Cho nên như hợp ... ” là dụ để làm sáng hợp dụ ôm ấp thành đạo. Hòa mạ là dụ mười tâm số. “ Nay pháp ... ” là thầy trò tùy cơ mà giáo hóa, có hai: a, Pháp vương tùy người ưa thích mà thí pháp. Trước dùng móc dục mà kéo dắt... mười tâm số này cùng chung nhập. Nay lại từ thông dục mà nói. Trước dùng mười tâm số dục thế gian, sau khiến cho nhập vào mười số Phật. “ Nay mười ... ” là nói đệ tử thuận cơ nắm pháp. Tùy người dùng loại tụ hợp, như người thích trí tuệ thì thích ngài Thân Tử, người thích thần thông thì thích ngài Mục-liên. Các người khác thì theo lệ mà nói. Dịch nói: Trước dùng loại tụ mà đổi làm nhân dục phụ với

nghĩa nay.

Riêng đối mười tâm có mười:

1. Tưởng đối Mãn từ, chánh giải thích Mãn từ. Nói nắm pháp giáo hóa chúng. Biết được thật pháp... Tiêm sư nói tâm vương nhất định thấy chung vật thể, nên nói được thật pháp. Tâm số tư tưởng giả danh cú văn mới thành, nên nói tưởng được giả danh.

“Các hữu ...” là cơ duyên học đạo đều do thầy Mãn từ. Cho nên mười người giáo hóa đều tùy người thích. “Cho nên hai ...” là dẫn chứng. Tức trong việc chê trách ngài Ưu-ba-ly có hai người phạm giới không dám hỏi Phật bèn đến hỏi ngài Ba-ly. “ Thế nên ...” là nêu lệ chỉ chín vị kia, Chuẩn theo tưởng dùng nghĩa. “Như nay ...” là dẫn ước lệ chung kết thành. Ước lệ chung ví như người đời thích Luật học thì gán gửi Luật sư, thích Thiền học thì gán gửi Thiền sư, thích tuệ học thì gán gửi Pháp sư. Nên nói tùy ba học....

2. Dục đối với ngài Ca-diếp. Tất cả thiện pháp thì dục làm gốc, ngài Kinh Khê nói dục là gốc vì sao lại riêng đối mình ngài Ca-diếp? Đáp: Nghĩa có chung riêng. Nghĩa chung có thể như thế, nếu luận nghĩa riêng thì chỉ lấy dục cho nên nay ngài Ca-diếp ở trong thiện dục mà nhận được tên. Vì pháp Đầu-đà, thiện hạnh là bậc nhất.

3. Cánh lạc đối với ngài Ca-chiên-diên. Cánh lạc tức bản dịch mới gọi là xúc. Nên ngài Kinh Khê nói: Cánh lạc là luận nghị, cánh lạc là xúc. Xúc tức xúc đối, tức đối người kia mà đối đáp qua lại nên được tên. Và lại thuận tên xưa mà nêu giải thích, tức như càng nói càng nghe. Các thứ khác thì lệ theo ngài Ca-diếp, nghĩa là đồng trước mà hiển phát giáo khô vinh nhập đạo. “Từ đây ...” đều y theo đây.

4. Tuệ đối với ngài Thân Tử.

5. Niệm đối với ngài Ba-ly. Ngài Kinh Khê nói: Việc dùng niệm số, là dựa theo nghĩa năng trì đem đối với trì luật mà gọi thì rất tiện.

6. Tư đối với ngài La-vân. Ngài Kinh Khê nói: Tư gọi là mật ha-nh, là tư ở bên trong, người rất khó lường biết.

7. Giải thoát đối với ngài Thiện Cát. Ngài Kinh Khê nói: Nếu chẳng thấy Không thì chẳng do đâu mà giải thoát.

8. Tác ý đối với ngài Na-luật. Tác ý gọi là ước số. Ngài Kinh Khê nói: Có tác ý mới được gọi là ước (nhớ). Phật khiển khởi các số này, là khi tu Thiên nhãn thì nhớ ánh sáng để làm phương tiện. Cho nên buộc tâm ở ngoại cảnh.

9. Định đối với ngài Mục-liên. Tam-ma-đề, Hán dịch là Định. Phàm phu đều có số này. Ngài Kinh Khê nói: Như định căn bản thì tất

cả chúng sinh đều từng được, nên nói đều có. Nếu không ...” là chứng định tâm số. Vì chúng sinh ...” là nêu trụ tâm số không thể tiến tu. Nếu riêng tâm số thì chỉ gọi là quyết định.

10. Thống đối với ngài A-nan.

Bốn quyển, ngài Kinh Khê nói A-tỳ-đàm tâm luận, vẫn có bốn quyển. Xưa dịch thọ số gọi là Thống. Tạp tâm là Tạp Tâm luận. Sở dĩ cùng dẫn hai tên là nói thống chính là thọ, sợ người hiểu lầm nên cùng nêu.

Tiếp trang nghiêm song thọ, lược bày: Trên tuy nói... ngài Kinh Khê nói: Trên căn cứ mười tâm số để giải thích mười người. Tuy ở mỗi mỗi người lược nói khô vinh, tức mỗi mỗi người phải trải qua năm vị. Tướng vị chưa hiển bày nên bảo nói ít. Trong đây chính dùng Đại kinh Niết-bàn trong khoảng Song thọ. Niết-bàn chính biểu thị khiến vật nhập trung. Nên nói đặt an các con cũng tự nhập trung. Mười người đệ tử ấy..., là Như Lai có ý nhập khiến đệ tử đều nhập trong ấy. Ý này trước sau đều dùng văn Sư tử hống của Đại kinh. Nói Sư tử hống, ai hay trang nghiêm Ta-la Song thọ. Như Lai lần lượt đáp nêu ra sáu người. Sư tử hống tất cả đều hiểu rõ rồi nói: Chỉ có Như Lai mới hay trang nghiêm cho nên biết đến quả cao tốt mới nhận được tên cao quý. Phải biết đệ tử chỉ đồng một ít phần của Như Lai mà được song phi khô vinh. Nếu thế không phải chỉ Niết-bàn gọi là phi khô vinh. Tám giáo hiển bày thuyết Phật tánh đều được tên, hoặc hành hoặc chứng đều gọi là Niết-bàn, tất cả đều gọi trang nghiêm. Trong đây cần dùng đại chỉ Pháp Hoa suy nghĩ thì mới thấy.

“Tam tạng ...” là rộng giải thích, Dựa vào nghĩa chánh giải thích, Trang nghiêm bốn khô, Chánh giải thích. và Giải nghi. Vừa nói hai ngàn trang nghiêm là ý gồm chung năm trăm pháp môn được dùng pháp tướng chưa hiển pháp môn đã tràn khắp, cho nên liền hỏi. Chưa thấy năm trăm sở truyền là chỗ truyền của năm trăm pháp môn vậy. Chưa thấy kinh văn nêu điều này. Vả lại dùng mười tướng phối nhau mà thành năm trăm. Lại dẫn thân nhân để chứng thành. Nay tìm đọc... ngài Kinh Khê nói: đây chỉ mượn số mà đối số. Nghĩa cốt yếu, là không ra ngoài căn cảnh. Cho nên dùng đối tiêu nêu năm trăm. Nên dẫn thân nhân năm trăm làm chứng. Cho nên biết thân nhân không ngoài căn cảnh. Đại kinh nói: Năm trăm Tỳ-kheo đều hỏi ngài Thân Tử: Đức Phật nói thân nhân là gì? Ngài Thân Tử nói các thầy đều được giải thoát do đâu lại hỏi câu này? Có thầy Tỳ-kheo nói: Khi tôi chưa được chánh giải thoát có ý bảo vô minh tức là thân nhân. Khi quán như thế thì được quả

A-la-hán. Có người nói hành thức danh sắc lục nhập xúc thọ ái thủ hữu sinh ẩm thực năm dục tức thân nhân. Năm trăm Tỳ-kheo nói xong cùng đến chỗ Phật nói nghĩa như trên. Ngài Thân Tử bạch Phật: Ai nói đúng? Phật nói đều đúng cả.

Trang nghiêm bốn vinh, Nói thù tích điều phục cơ. Trong văn nói đầy đủ về bốn vị điều phục cơ. Bắt đầu ở Lộc uyển đều theo lệnh thầy, Xá-lợi, Mục-liên và Ca-diếp ba người... theo học bốn khô, là học Tam tạng chứng quả nhỏ. Đáng vẻ học trò, tức như Xá-lợi, Mục-liên cùng hai trăm năm mươi người đệ tử... Mị là đê bẹp, đều thuận theo giáo Phật như cỏ bị gió thổi rạp xuống. “Quá thị ...” là kế thời Phương đẳng đều thẹn tiểu mền đại, ý gồm hai loại tô. “Khai Phật ...” là Pháp Hoa và Niết-bàn. Đều do đến Phật sự, ngài Kinh Khê nói: Nói các đệ tử trải đủ bán mãn đều là hạng thành thực giúp đỡ Pháp vương. Cho nên nay trải đủ một đời giáo pháp. “Chúng sinh ... khai Phật tri kiến” là ý chỉ cho Pháp Hoa nhập bí mật tạng, tức là trung gian Niết-bàn của Đại kinh. Ý nói hai kinh có đại chỉ đồng nhau.

“Lại đại ...”, là nói vương số tức lý, nói nguyên do Niết-bàn giảm bốn nhân. Đại kinh quyển hai mươi tám nói: Khi ấy Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Những Tỳ-kheo nào thường trang nghiêm Ta-la Song thọ. Phật nêu sáu người và đến Như Lai, sáu người ở nhân, Như Lai ở quả. Nhân quả đều được tên trang nghiêm. Nhân quả trước sau bốn đức đầy đủ, nghĩa biểu hiện sáng tỏ, nên nói trang nghiêm. Nhân sáu người, kinh nói: Nếu có Tỳ-kheo nào thọ trì đọc tụng đúng văn cú của mười hai bộ kinh, Tỳ-kheo như thế mới luôn trang nghiêm Ta-la Song thọ. Sư Tử Hống nói: Như con đã hiểu nghĩa Phật nói thì A-nan tức là vị Tỳ-kheo ấy. Được tịnh Thiên nhãn chỉ cho ngài A-na-luật. Thiếu dục tri tức chỉ cho ngài Đại Ca-diếp. Không tranh cãi không hạnh chỉ cho ngài Tu-bồ-đề, khéo tu thần thông chỉ cho ngài Mục-kiền-liên. Được đại trí tuệ chỉ cho ngài Xá-lợi-phất. Ở mỗi mỗi hạng người nói rộng như A-nan. Sau nêu người quả nói rằng: Nếu có Tỳ-kheo hay nói chúng sinh đều có Phật tánh thì được Kim cang Tam-muội, đầy đủ bốn đức, tám ngã tự tại. Tỳ-kheo như thế rất thường trang nghiêm Ta-la Song thọ. Nếu không như thế thì không đoan nghiêm. Cúi xin Như Lai thường trụ ở đấy. Phật nói tất cả pháp tánh không trụ mà trụ, sao lại thỉnh trụ? Sáu người trước tuy nói đa văn cho đến đại trí tất yếu phải nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đã ở thời Pháp Hoa nghe được thọ ký rồi đều có thể nói nhưng không đạt được người quả. Nên nói Như Lai rất thường trang nghiêm. Người nhân người quả đều

đủ bốn đức, người nhân mới nhập nên nói chỉ có Phật.

“Hà ...” là chỉ kinh này đủ mười chỉ thú. Chúng sinh quay lưng lại với tánh thành mê. Phật tánh rõ ràng, vì ba nhân đầy đủ. “Phiền não ...” vì mê cho nên không biết. Đây lấy mười số tóm đối ba nhân, mỗi thứ đều theo nghĩa tiện. Nếu luận lý thể thì mỗi mỗi đều có ba. Tâm sắc còn đồng há cách biệt vương số.

“Thế nên ...” là các Thánh biểu thị báo khiến ngộ. Ngài Kinh Khê nói: Khai Phật tri kiến tức chỉ kinh Pháp Hoa, nhập bí mật tạng tức Đại kinh trung gian Niết-bàn. Ý nói hai kinh đại ý đồng nhau. “Kim dĩ ...”, là kết bày lỗi chê trách.

Tiếp, nói sinh ở cõi quả báo. Ngài Kinh Khê nói: Sinh cõi quả báo còn chỉ cho văn trước. Tâm Nhị thừa là tịnh độ Bồ-tát lấy làm ý hỏi đáp. Cho nên người chê trách và người bị chê trách, người nghe đồng lúc và người nghe thuật lại, người đồng vào thất và người vào thất sau luận xa đều vào Tịch quang. Phần cư quả báo, đều nhập nhưng thật ra chưa phá vô minh. Chỉ ở trong Phương tiện hữu dư mà thôi. Nay ở trong đó nói trung thuyết cho đến nhập thật. Cho nên nói là quả báo. Khấp trùm đại cơ, tức có hiển lợi ích, nếu đối tiểu hạnh chỉ có ngầm giúp. Nay từ ý nói nên được lời. Sinh cõi Hữu dư, đối trong các vị người vô học liền nhập diệt độ không đến pháp hoa và không có ích ngầm nên nói như thế.

Nói tịnh Phật quốc độ, giải thích chung. Ngài Kinh Khê nói: Tịnh Phật quốc độ chính là hạnh Bồ-tát. Người khác nêu kinh văn đều không có ý chỉ này. Nay điều này là ở quyền hạnh mà nói. Nếu từ chưa hiển bốn thì nói là Tiểu thừa. Thật hạnh mà nói, là trước đây chưa từng cùng vật kết duyên, cho nên ở thời Pháp hoa xưa được thọ ký, lại cần tu hạnh tịnh độ. “Nhược tề ...” là riêng bày, dựa theo đương phần không phải tịnh quốc. “kim thủ ...” là dựa vào vượt tiết làm tịnh quốc. Nay lấy..., ngài Kinh Khê nói: Nói dùng Pháp Hoa cần có hai thứ khác nhau. Dẫn các ông... là chứng sở hành đã khai quyền. Kế mới dẫn thiếu dục mà chứng hiển bốn. Nên giải thích văn này mới được nói phù hợp việc thành tịnh độ. Cho nên biết ngài Tịnh Danh cùng các đệ tử đều có thật bốn. Cho nên từ đó trở đi thì lấy nghĩa bốn tích đối bốn ngài Tịnh Danh mà kết là từ xưa chỉ nói những lời chê trách... làm mất hẳn lý phù thành Phật quốc.

Tiếp nói Quán tâm. Giải thích trước cũng là quán tâm, tức chỉ cho phần thứ ba là đối chung, thứ bốn là đối riêng. Ngài Kinh Khê nói: Không phải chỉ Phật và đệ tử là nghĩa vương số, phàm người nhập đạo thì tâm vương và tâm số tất cả đều thế. Lập giáo là vốn muốn khiến

phàm phu tu tập, nghĩa là vương số, các tâm cộng hóa toàn thành chánh giác như lấy mười số mà phối hợp với người đã như đoạn trước, cho nên nay lược theo. Tức đồng ngài Thân Tử, là lược bày một người. Như thế mỗi mỗi... tức định đồng với ngài Mục-liên. Cho đến thống đồng với ngài A-nan. Lệ như ngài Thân Tử để nói tự tha. Cho nên nói mỗi mỗi... Điều căn cứ tự tha, là nghĩa hóa tâm giống như Phật tịnh độ. Nếu hay đến trụ Niết-bàn thì phải ước vị quán hành, tương tự phần chân mà trụ Niết-bàn vậy.

Nay nói kiến tánh tức nhập phần chân trang nghiêm Song thọ, chỉ là ba đế một tâm gọi là nghiêm Song thọ. Chiều chân là nghiêm khô, chiều tục là nghiêm vinh, chiều trung tức là trung gian nhập diệt. Lại ba đế này mỗi mỗi đều Thường, Lạc, Ngã Tịnh và bốn phi thường nên gọi là nghiêm thọ. Sớ chưa tận tâm ví như kinh Dịch nói là thư bất tận ngôn, ngôn bất tận ý vậy.

Nói sai hỏi trước sau; vào văn giải thích, Phân khoa. Tùy giải thích, Ngài Tịnh Danh im lặng, Tự nghĩ mình đang bệnh. Tự nghĩ là giải thoát tri kiến Pháp thân, ngài Kinh Khê nói: Giải thoát tri kiến là tự hiểu mình đã đắc pháp. Nay ngài Tịnh Danh biết mình đã chứng, các ngôi vị đều ở bậc Đẳng giác, đầy đủ ba đức. Tự nghĩ cũng là dùng đức giải thoát mà lợi ích chúng sinh. Nghĩ mình đã giải thoát thì phải lợi tha. Dứt các lao phiền. Phiền là phiền não sự tức là nghiệp bệnh ở đời cũng cần phải dứt hai sự này. Nay cũng hai sự biểu thị cho hoặc nghiệp. Cảnh trí tương ứng hai sự liền dứt. Vì sao? Vì hai thứ này thể tức là hạt giống của hai đức Bát-nhã và Giải thoát. Mà nay ngài Tịnh Danh dứt chuyển sự để hiển bày tên. “Đại kinh ...” bốn câu tức phẩm phạm hạnh. Vua A-xà-thế tạo tội nghịch, thân bị ghẻ lở sưng nhức không ngủ yên. Nên phát lời nói Như Lai hoặc nghiệp đã rốt ráo dứt hết gọi là được ngủ yên. Cho nên cùng nghĩa ngủ của Tịnh Danh khá phù hợp, chỉ phần rất nhỏ là khác, nhưng sau đó không lâu nên được dẫn làm chứng. Tu nhân đã viên, Đẳng giác là nhân chân ở vị cao tột. Hòa quang không đồng trần là phương tiện hiện có bệnh, nên nói là hòa quang. Nhưng bên trong không có hoặc nghiệp nên nói là không đồng trần. Lão tử nói: Hòa vào ánh sáng, đồng với bụi trần, trong suốt giống như cò. Đây tức là hòa quang đồng trần mà diệu bốn không xen tạp. Cho nên nói trong suốt giống như cò. Nay mượn lời này mà đổi để dùng. Tức dùng không đồng trần thì thành nghĩa diệu bốn không tạp.

Hỏi: “Ngài Tịnh Danh ...”, ngài Kinh Khê nói: Ý phải là chỉ nên thương xót họ vì sao phải tự nghĩ. Ý đáp: Đây là biểu thị cho ba đức,

trong ba đức này cảnh và trí hòa hợp. Cho nên nói Pháp thân cho đến Bát-nhã. Nhưng giải thoát chưa hợp với nghĩa hóa nên cần nói phải tự nghĩ. Đại Bi tức là tướng giải thoát, gá vào tự nghĩ ấy nên gọi là gởi.

Niệm Phật thù chí. Ba thứ duyên tập, ngài Kinh Khê nói: hai thứ duyên tập gia thêm pháp giới tập. Phẩm Phương Tiện trước đều chỉ lập có hai thứ. Phẩm Phương Tiện đầu tiên nương nhiếp sư mà lập pháp giới tập, là vì muốn tiện cần phẩm cần văn. Nếu không thế, thì đệ tử Bồ-tát chỉ cùng làm một thứ Vô vi duyên tập. Đại tiểu như thế là quá lạm. Cho nên lại theo xưa mà chia làm ba thứ. Nếu thế sao lại lấy đó mà bác phá người đáp: Tên đồng mà nghĩa khác, đã như trước nói.

Như Lai sai thăm bệnh, Phật biết tâm niệm. Người trí biết người trí, tức người trí cực quả biết người trí phần chân. Lấy răn mà dụ cho trí, ý có thể biết, tức đồng loại mới có thể biết nhau, khác loại khó thấy. Lời này trích từ Đại luận.

Sai thăm bệnh, Phân khoa. và Tùy giải thích, Sai mười đệ tử, có mười: Sai ngài Thân Tử, có hai: a, Phật sai, có hai: a', Lược giải thích. Người hầu ở bên trái. Chữ trái là lầm, nên nói ở bên phải. Ở Ấn Độ thì vua cha thầy đều quay mặt về hướng Đông tức bên trái là Bắc, bên phải là Nam. Bắc là phương âm, âm tĩnh biểu thị cho định. Thần thông nhân định mà phát, cho nên ngài Mục-liên ở bên trái. Nam là phương dương. Dương động biểu thị cho tuệ, nên ngài Thân Tử ở bên phải. Đại luận nói: Mục-liên là đệ tử ở bên trái Phật, Thân Tử là đệ tử ở bên phải Phật. Nếu thế Thân Tử phải đứng dưới Mục-liên, sau gọi là Thượng thủ được? Đáp: Vì phương Tây (Ấn Độ) chuộng bên phải, nên ở bên phải là tôn quý. Cũng như ở phương này thiên tướng quân thì ở bên trái, thượng tướng quân thì ở bên phải. Có người nói việc tốt lành chuộng bên trái, việc hung ác chọn bên phải. Như thượng tướng quân chủ việc binh mưu chuyên giết hại, nên chọn chỗ tang lễ mà ngồi, đâu lại so sánh với người khác? Đáp: Ở hai cõi nước, phần lễ nghi có khi ngầm hợp, có khi trái nhau. Như lui ngồi một phía, từ tòa ngồi đứng lên thì so với phương này là hầu chỗ thầy ngồi. Lại việc đoan tỉnh và ích tỉnh chỉ nghiệp đều khởi thì ngầm phù hợp, cho đến phương này thì lấy vai trần để tạ lỗi, phương kia thì lấy vai trần để tỏ sự quý kính. Phương này việc tốt thì chọn bên trái, phương kia lại chọn bên phải thì việc này là trái nhau, có gì phải nghi? Nay ngài Thân Tử ở bên phải, là ở vị trí của thượng tướng quân, nhiệm vụ rất quan trọng nên phải sai đi thăm bệnh trước.

“Nhưng...” là rộng giải thích, có hai: a, Chánh giải thích, lược chỉ nhân duyên. “Thác ...” là nói rộng năm vị, ngài Thân Tử năm vị đều

trước. Gá thai trở về sau... khi đã gá thai mẹ mượn miệng mẹ mà luận. Trước đây mẹ ngài nghị luận đều thắng. Sau gặp Phật... là ngài Thân Tử thờ thầy là Phạm chí Sa Nhiên, và đã học hết đạo thầy. Sau khi thầy qua đời thì ngài gặp được A-bệ, nghe nghĩa ba đế mà được Sơ quả. Nhân đến gặp Phật bèn thành La-hán. “Cho nên Đại kinh ...” nói là người trang nghiêm. Ngài Kinh Khê nói: Như Lai ở trong ấy là biểu thị nhập trung. Thể trung sao gọi là biên. Thế nên khô ấy liền nghiêm ở vinh, vinh sở dĩ được nghiêm tức do khô. Cho nên các đệ tử từ Lộ uyển đến hội Niết-bàn thì khô vinh còn cách nhau. Hóa sự trong tích, tướng nó vẫn khác nhau. “Có nói ...”, là Đại sư nhân tiện mà chê xưa, chỉ là nắm lấy ý Pháp Hoa mà thôi. Ngài Kinh Khê nói: Đến thời Pháp Hoa thì ba thừa khắp hội, ba tức một biên mới có thể nghiêm được. Vì ở hội Pháp hoa đều nhập trung. Cho nên đến thời Niết-bàn thì lại dùng để biểu thị hiển bày chỉ thú của một đời thuyết giáo. Không phải đợi đến Niết-bàn mới kham việc trang nghiêm Song thọ. Cuối cùng dẫn Pháp Hoa về mùa thu gặt hái, mùa Đông cất giữ, mà có lẽ ấy.

“Dĩ thị ...” là tổng kết. Tiếp đáp lời, có hai: a, Phân khoa. b, Tùy giải thích, Đáp lời chẳng kham. kể nguyên do không kham. Như rùa giấu sáu phần, là bốn chân và đầu, đuôi. Như có một con rùa ra phơi nắng ở cánh đồng. Giả can xấp bắt ăn thịt, rùa ta bèn giấu cả sáu phần vào trong mai. Giả can không làm gì được. Trích ở các kinh Tạng thí dụ... sáu thức không nhiễm sáu trần như rùa giấu cả sáu phần. Ma là dụ cho giả can. Pháp giống Niết-bàn, Tiêm sư nói: Câu-xá luận quyển hai mươi bốn nói: Được diệt định không còn chuyển trở lại gọi là thân chứng. Luận nói: Được diệt định tức không trở lại. Như ở trong thân có diệt định được chuyển gọi là thân chứng. Nghĩa là do thân chứng được pháp giống Niết-bàn, nên gọi là thân chứng. Lại nghĩ rằng thứ diệt định này rất tịch tịnh giống như pháp Niết-bàn. Như thế mà chứng được tịch tịnh cho thân, nên gọi Thân chứng.

Kể việc không kham, có hai: a, Phân khoa. b, Tùy giải thích, chê chung, là chỉ văn nêu chung. Bất tất, ngài Kinh Khê: Không hẳn chỉ là định tức bất định. Đây không nói hoàn toàn không phải, vì Đại thừa cũng ngồi yên. Chỉ trách cái thấy của Tiểu thừa thiên lệch hẹp hòi mà thôi.

“Ngài Thân Tử...” là dẫn chứng giải thích chỗ hẹp hòi, có hai: a, Dẫn chứng. b, “Đem ...” là giải thích, Lược giải thích đại chỉ. Tương ...” là so văn. Ngài Kinh Khê nói: Tức chuẩn theo văn chê riêng. Đã nói không ở ba cõi... nghiệm mà biết. Lấy Viên mà trách Tạng thì có sáu

lỗi. “Như...” là trách riêng ba đôi. “Tỳ ...” là rộng giải thích chỗ nhập, Chánh nói các định, Nêu ra bộ chấp. “Bất tương ứng hành ... bổ xứ”. Tiêm sư nói đem mười bốn bất tương ứng hành trong vô tướng định, diệt tận định để thay thế. Ý Tiêm sư giải thích chưa sáng tỏ, đợi kiểm Tỳ-đàm sẽ thấy kể rõ. Không tâm hai xứ diệt, Tiêm sư nói chỉ là không xứ, thức xứ, hai xứ nhập diệt. Nay chánh nói, Nêu bày. Ngài Nam Nhạc đã nêu đều như hai kinh, cho nên phải dựa vào sở chứng mà nói để chỉ cho người. “Một y ...” là chánh giải thích có hai: a, Giải thích các thiền.

1. Tịnh thiền mười thứ tế pháp, tức thọ tướng... mười thông số. Tiêm sư nói: Thọ tức thức biết điều mình nhận được. Tưởng tức thức tưởng điều mình nghĩ tưởng. Hành tức pháp hành. Xúc tức chạm xúc của ý. Tư tức là nghĩ về pháp, dục tức muốn nhập định. Giải tức pháp thắng giải. Niệm tức niệm Tam-muội. Định tức tâm trụ ở như pháp. Tuệ tức là tuệ căn, tuệ lực.

2. Quán thiền, Chánh giải thích tướng. Nói Bối xả, Đại luận nói: Xoay lưng với năm dục tịnh khiết mà bỏ đi tâm đắm trước. Bối xả. Thắng xứ. Ngài Kinh Khê nói: Ở trong sắc mà quán bên ngoài nhiều ít. Phân ra làm hai, ba, bốn. Thắng xứ, tức trong không sắc mà quán bên ngoài nhiều ít, cũng phân làm hai. Bốn thứ thắng xứ kia thì ở tịnh bội xả, tức bốn sắc trong tám nhất thiết xứ. Nói rộng như thiền môn. Nói tám Nhất thiết xứ, thì Nhất thiết có mười, tám thứ Sắc giới nên lấy bốn sắc, hai thứ ở vô sắc nên không luận tức là không và thức hai nhất thiết xứ. “Đối với nhân ...”, là nói được tên, có hai: a, Nhân quả thông nhau. b, “Mà nay ...” là từ nhân mà lập tên. Thân chứng Na-hàm, Tiêm sư nói: Câu-xá tụng nói rằng: Được diệt định không còn chuyển gọi là thân chứng. Diệt định không tâm do thân mà chứng được, nên gọi là thân chứng. “Căn cứ Bối xả...” là kết: Thắng tiểu ở trước. Thắng thông minh, Tiêm sư nói thông minh cũng là đó, cũng là thiền hữu lậu, vô lậu bội xả một mực thuộc vô lậu cho nên thắng.

3. Luyện thiền. Chín thứ đệ, tức càng tu luyện quán thiền thể dụng khiến thuần thực. Nói thứ đệ, tức khi nhập thiền nếu tâm trí tuệ nhanh nhẹn thì có thể từ một thiền nhập một thiền, tâm tâm nối tiếp không có niệm khác xen tạp, nên gọi là định thứ đệ.

4. Huân thiền Sư tử phấn tấn, là mượn dụ để hiển bày pháp. Như ở đời có Sư tử phấn tấn làm hai việc: a, là gắng sức bỏ đất cát. b. Là chạy về phía trước nhanh hơn các loài thú. Tam-muội này cũng thế. Một là, nhanh chóng diệt trừ các hoặc vi tế vô tri. Hai là, xuất nhập thiền nhanh chóng không gián đoạn, khác với các thiền định trên có được. Nên gọi là Sư tử phấn tấn Tam-muội.

5. Tu thiền, thường vượt qua các địa tự tại xuất nhập, nên gọi là siêu việt. “Nay đây ...” là

lược bày tướng siêu nhập. Nếu siêu xuất, là từ diệt định khởi dậy mà nhập vào tán tâm, từ tán tâm khởi dậy lại nhập vào diệt định, từ diệt định khởi dậy lại trụ vào tán tâm. Từ tán tâm khởi dậy lại nhập vào phi phi tướng. Như thế thứ lớp đến sơ thiền khởi nhập vào tán tâm. Đây đủ rõ ràng như pháp giới thứ lớp.

Căn cứ ở vị mà phán quyết: Nói năm vị, ngài Kinh Khê nói: Tạm nhờ năm thiền để nói năm vị mà thôi. Nguyên trí, phải nói là nguyên trí đánh thiền. Tiêm sư nói đó chỉ là tu thiền có nguyên có trí. Mạnh mẽ nhất như ngài Ca-diếp nhập ở Kê Túc sơn có nguyên lực đợi Đức Di-lặc xuất hiện sau đó mới giao y, tức là việc này. Mười tám biến, Tiêm sư nói tụng rằng:

*Chấn động và rứt chày
Lưu bố cùng thị hiện
Chuyển biến và tới lui
Co duỗi các hình thức
Thân đồng đến các thú.
Ẩn hiển và tự tại
Cùng chế phục người khác
Bày biện cùng nghĩ nhớ
Cho an và phóng quang.*

“Đối các ...”, ngài Kinh Khê nói: Tất cả các thiền nếu nương vào quán... đến huân tu đều được gọi là đánh. Tiếp liệu giản. Hỏi: Đó là những gì, ngài Kinh Khê nói: Nếu chỉ về căn bản, thì không có câu hỏi này. Lại có quán... bốn đối căn bản thành năm vì Bối xả... đều nương thiền địa, vì sao lại riêng lập quán... bốn thứ? Ý đáp: Chỉ là lại lấy quán... mà quán luyện căn bản. Liệu giản..., Tiêm sư nói: Số nhân chỉ nói ở trong đệ tứ thiền mà tu huân luyện. “La-hán ...” là kết bày cực tông. Ma-ha Na-già, Ma-ha, Hán dịch là Đại; Na-già, Hán dịch là Long. Như Niết-bàn thán đức nói rằng ở trong loài người.

Phần kết bày chê trách. Hang sâu thiền định, là Lăng nghiêm đại định. Đọc suốt ba đế gọi là thâm. Các pháp đều nương vào gọi hang. Riêng bày chân yên tọa, có hai: a, phân khoa. Ba đôi, ngài Kinh Khê nói đều là chê trách Viên, nhưng tên thể trung cũng còn lạm tiểu. Vì sao Thân Tử cũng bảo. Ta nhập diệt định mà không phải là hiện ý ở ba cõi, sau mới nhập vô dư là không hiện thân. Vì sao lại trách hiện thân ý ư? Song ngài Tịnh Danh ý trách ở hiện tại. Nếu nói ở vị lai thì phạm phu cũng diệt, đâu riêng trách ngài Thân Tử. Còn hai đôi kia, đôi một đều không phải là cảnh kiến văn, kể trong định dụng chính là chê trách

ngài Thân Tử định đã nhập thì không thể như thế. Còn hai đôi kia tức là trách trong định không có tuệ. Ở đôi thứ hai vẫn gồm định dụng trước để chê trách một đôi dưới. Đôi một phần nhiều đều thuộc tuệ. Lại nhân quả tuy cùng đến đôi thứ ba mới lập tên. Song hai đôi trước dựa vào quả mà chê trách. Dưới lại nói quả là để đối nhân. Cho nên tuy lại lập nhân đều là thành quả. Vì khi chê trách ngài Thân Tử thì không đối các người khác, chỉ dùng quả phần chứng Đại thừa để chê trách tiểu quả. Cho nên trừ bỏ nhân xong thì năm pháp kia đều dẫn thẳng đến Bồ-tát. Sau đó lại thỉnh pháp thân Bồ-tát dùng người phần chứng đối trách tiểu quả. Đến duyên chê trách ngài Mục-liên đối tám trăm người thì hết, dùng pháp nhân ba giáo mà trách.

“Tám trăm người...” đến văn sẽ phân biệt. Tiếp tùy giải thích, dựa theo thể dụng, dựa theo thể, Nêu lời kinh. “Thân Tử...” là giải nghĩa, Sự giải, Chê thân hư dối. Như gỗ đá... là tuy có thân này như gỗ đá, tuy có thời hạn như tro chết nhưng đều gọi là hữu vi. Thân Tử hà tất phải mời lợi danh. Do hiện nghi này toàn giống hiện tượng. Thế nên Đại sĩ mượn đó để trách. Hiến chân, là dựa theo sinh thân mà trách. Đến Phật tuệ, tức sinh thân được nhận, phần chứng ba trí. Chín đại thiên, tức thiên của Biệt giáo và định Nhị thừa tức là thiên của Tạng, Thông. Thấu suốt biên tức Trung, tùy cơ ham thích. Cho nên nói tùy ý liền nhập. Ở cõi Dục mà hành thiên, ngài Kinh Khê nói: Đây cũng dựa theo quả địa chân diệt định mà nói lời này, ý khiến nhập vào giả bất tư nghì, nên nói ở dục. Không lấy người đời ở dục mà gọi là có thiên. Nay ý nói: Ma vốn lấy dục mà làm loạn người đời, đã lấy ma giới mà làm Phật sự, cho nên ma thấy tâm ấy thì quấy loạn tất không xảy ra. Ở phương dưới nhờ người nhân mà không hiện quán thân tâm.

Dựa theo pháp thân mà trách. Pháp thân Bồ-tát, tức Bồ-tát trong cõi quả báo. Ngài Kinh Khê nói: Chính dùng nhân thừa vô sinh phần quả mà đến chê trách. Đại tiểu đều là quả, ông sao lại dùng ba quả mà hiện thân tâm. Nếu lý trở đi, e là suy đại quả, cho nên dùng sự lý bất tư nghì mà đối trách sự lý đều không có như chỗ ông nhập. “Nếu tu...” là quán giải. Sáu thứ yên tọa tức thể, dụng, pháp, tâm, nhân, quả. Nay quán một tâm mà gồm nhiếp cả sáu thứ này, thì thể tức một niệm ba đế, diệu dụng rất rộng, há vượt ngoài mười giới. Tức sự mà lý một niệm khắp nhiếp. Tâm pháp Không khác, nhân quả lý một, tam thiên ba đế đều gồm. Quán một tâm này gọi là chân yên tọa. Ở đây nêu chung. Văn dưới còn giữ lại hoặc bỏ đi.

Dựa theo dụng tự tha không ích không dụng, là mình đã được chử

dư, sao còn dùng định này. Cho nên ở mình không còn dùng các oai nghi ấy, nên đối với người không lợi ích. Do nó không thể, tức do không có diệu thể nên không có đại dụng. Ngài Kinh Khê nói chính là chê trách cái thể Không dụng. Nay chê trách không dụng bèn thành một đôi chê trách.

“Bất tư nghi định ...” là chỉ bày viên định. Trong văn cũng trước nói sinh thân được nhẫn, kế nói pháp thân. Hiện oai nghi mười giới, Đại luận quyển hai mươi chín nói: Thanh văn nhập định thì không nói. Phật ở định thì lại thường du hành như trong kinh Mật tích thân mật tâm mà nói tâm chư Phật thường ở trong định mà tâm cũng luôn nói pháp. Nên biết bốn oai nghi hiện ở mười giới, nói nín mỗi mỗi đều không ngại nhau. Căn cứ ở pháp tâm, Về pháp, Thân Tử xuất chân tức là xuất định. Vì nhập định thì ngậm chân, nên xuất định thì gọi là xuất chân. Pháp Không được bỏ nhau. Chữ (nhau) là nhầm. Phải nói là không được bỏ. Quảng bốn cũng giống, nghĩa là Tiểu thừa phạm Thánh hai pháp đã khác thì không được không bỏ đạo pháp mà hiện việc phạm. Hiện việc phạm cho đến việc bất thiện, ngài Kinh Khê nói: Đó chỉ là các việc làm của phạm phu ba nghiệp hữu lậu cũng đều là ngoại dụng định pháp của Bồ-tát. Cho nên không cần phải bỏ việc dẫn vật đến tịnh độ. Cho nên biết sáu pháp chỉ có một pháp, tức thường lợi sinh. Vì lợi sinh nên thường nhận tịnh độ. Đây đủ các việc như quyển hai mươi chín trước đã nói. Tâm nhập xuất động tán, ngài Kinh Khê nói có xuất có nhập cho nên định gọi là tán động. Căn cứ ở nhân quả Căn cứ nhân mà trách, nêu kinh lược bày. Khi câu rộng giải thích. Nay phải... ngài Kinh Khê nói: Trong bốn câu thì câu thứ ba là bị chê, câu bốn là thường chê, còn hai câu kia chỉ đi theo mà thôi. Cho nên trong kinh Tu-bạt Phật làm Sư tử hống là nói quyết định. Trong pháp ngoại đạo không có Thánh quả, cho nên không động không tu, tức có thân kiến nên có biên kiến, có biên kiến nên có giới thủ và tà kiến, tám mươi tám sử đầy đủ, cho nên nói là không động tu. Bốn khô niệm xứ... Chữ “đẳng” là Chánh cần, Như ý, Căn, Lực, Giác đạo vậy. Đây là nẻo thông đạo phẩm như Chỉ quán quyển bảy và ký đã nói. Nếu có thân biên, tức có đủ năm ấm. Ấm là cảnh sở quán của bốn giáo. Bảy mươi ba người, là ở tám địa trên, mỗi địa có chín phẩm, tám lần chín là bảy mươi hai người, cùng lấy một người cụ hoặc ở Dục giới là bảy mươi ba người vậy. Không lấy không bỏ, là kiến tức Bồ-đề, không kiến nào có thể bỏ. Bồ-đề tức kiến, không Bồ-đề nào có thể lấy. Về sóng nước lấy bỏ ý dụ có thể thấy. Ấm ô uest là chỉ quán nói có chín thứ năm ấm: Một là, hện sắc tâm quả báo ấ;

hai là, bình bình tướng thọ vô ký ấm; ba là, khởi kiến khởi ái hai thứ ô uế ấm bốn năm sáu là ba nghiệp thiện ác và thiện ác hai thứ ấm bảy là Biến hóa thị hiện khéo léo ấm. Tám là, người thiện căn dung phương tiện ấm. Chín là, chứng bốn quả gọi là vô lậu ấm. Nay quán kiến ái năm ấm tức lý ba đế, nên nói ô uế... Không phải cấu không phải tịnh... là cấu tức khô, tịnh tức vinh, ba thứ dưới cũng lệ như thế. Chỉ là trung đạo niệm xứ đều không phải hai biên. Tuy cùng dùng nhau nhưng từ ưu thắng mà nói. Đây là quán riêng về bốn Niệm xứ. Đây dựa theo viên trung thì cảnh quán đều khác. Song căn cứ theo Tiểu thừa thì niệm xứ có hai: 1. Là riêng. 2. Chung. Chung lại có ba:

1. Cảnh riêng mà quán chung.
2. Cảnh chung mà quán riêng.
3. Cảnh quán đều chung.

- Nay là riêng niệm xứ vậy. Tám tự tại:

1. Một nhiều, biểu thị một thân là nhiều thân, số thân nhiều như vi trần.
2. Lớn nhỏ, biểu thị một thân bụi nhỏ mà đầy khắp cả đại thiên.
3. Nặng nhẹ, là lấy thân nặng đầy cả đại thiên giới mà nhẹ bay đi rất xa.

4. Sắc tâm, tâm an nhiên bất động mà thị hiện hóa vô lượng hình loại.

5. Căn, sáu căn đều hỗ dụng cho nhau.
6. Đắc (được), được tất cả pháp mà tướng như không được.
7. Nói, diễn nói một kệ trải vô lượng kiếp.
8. Thân biến khắp tất cả như hư không.

Rộng như Đại kinh nói. Trong đó Cần sách..., Tiêm sư nói đây là đạo phẩm nhiếp nhau.

Dựa theo quả mà chê trách, nêu kinh lược bày. Hoặc bảy ngày hoặc mười lăm ngày, Đại luận nói: Đến chỗ Phật bảy ngày liền thấu suốt biển sâu Phật pháp. Lại nói sau mười lăm ngày thì được quả A-la-hán.

Tiếp khai câu rộng giải thích, Khai câu chánh giải thích, Y cứ câu chánh luận. b, Đoạn mà vào thất đến biệt Bồ-tát, ngài Kinh Khê nói: Đây là người sơ trụ của thập trụ Biệt giáo dùng pháp Nhị thừa. “Nếu thân ...” là dẫn dụ so sánh mà phán quyết. Không thể dùng phiền não làm Phật sự, là hàng Nhị thừa có thể biết. Trước dựa theo câu đã nói là Biệt Bồ-tát. Nay nói không thể dùng phiền não... ngài Kinh Khê nói: Chính là y cứ ở vị sơ trụ. “Giải thích khác ...” là chê xưa hiển nay, có

hai: a, Giải thích chê xưa. Có lỗi như thế, là lấy đại và tiểu, chính nói trên quả có dụng khó nghĩ bàn. Nếu nói là không, dùng đại vào không thì diệu dụng ở đâu? Đây tuy y theo nghĩa phá trước, cũng thấy chê nhà giải thích hạt cái dung nạp núi Tu-di là nói đều không. Tự cho là cao thâm, nhưng xét kỹ thì quá cạn. “Nếu phiền ...” là bày giải thích nay. Tuy nói thường vào... ngài Kinh Khê nói: Phải nói Niết-bàn xưa nay bất động nên tế hợp dụ này. Nay bảo: Nếu tế hợp thì phải nói tánh phiền não không phải sự không phải lý mà sự không ngại lý. Cho nên tức phiền não là Niết-bàn. Tánh Niết-bàn cũng không phải sự không phải lý, mà lý không ngại sự. Cho nên tức Niết-bàn là phiền não. Tuy sự lý tương tức mà bốn tánh không động. Cho nên biết do đủ tánh này mà cực quả hiển phát, nên có được đại dụng. Nay mượn đại tiểu nhập nhau để dụ cho sự lý dung nhau.

Tiếp, kết thành ấn định. Sáu thứ này... tức thể dụng... đều là viên cực. Nên nói tức là rốt ráo. Vì viên so với thiên nên gọi rốt ráo, mà không phải là ước định ở cực quả. Vì trước thường chê trách sáu thứ, nên đều ước định ở phần chân.

Kết thành không kham, , chánh giải thích hiện văn. “Nếu trách ... nào khác” là dẫn vấn nạn. “Lý mà... ..” là đáp giải thích. Hoa Nghiêm toàn không nhận là ích. Nay nghe chê trách xa mà làm nhân tịnh độ. Cầm điếc tuy đồng mà ích không ích lại khác. Đối sau mà liệu giản, Hỏi và Đáp, Lược nêu. Viễn sư ...” là dẫn chứng. “Thân Tử... ..” là giải thích thành, Thân Tử cố dùng thiên chê trách gồm được trí. Ngài Kinh Khê nói: Ngài Thân Tử không phải chỉ có trí vô định mà cũng nhập định vô trí. Vì nghĩa ấy nên từ định mà chê trách.

Ngài Mục-liên.

Sai ngài Mục-liên, có hai: a, Phân khoa. b, “Sở dĩ ...” là tùy giải thích, Sai thăm bệnh. Ngài Kinh Khê nói: Kế sai Mục-liên là đối Cư sĩ hoàn toàn từ nhân mà chê trách. Lại từ nói pháp biên đều dùng giáo mà trách Cư sĩ và chúng tục tất cả đều đủ hữu vi duyên tập. Cho nên cần gồm thông đời Biệt mà nhập Viên. Nếu chỉ ngài Mục-liên thì dùng ba thứ mà trách tiểu. Sở dĩ kế sai ngài Mục-liên, là trí tuệ đã không kịp thì phải dùng định mới kham. Tên Câu-luật-đà, là hỏi Đại kinh nói Mục-kiền-liên là họ, nhân họ lập tên, nên gọi là Mục-liên, vì sao lại nói tên Câu-luật-đà ư? Đáp: Vốn tự có tên, nhưng người thời ấy phần nhiều đều dùng gọi họ, nên Đại kinh nói thế. “Văn-thù hỏi ...”, là phiên dịch họ Lai Phục. Chính ra phải viết là lô phục. Thời nay viết là La-bạc, là chữ tục mà thôi. Quách Phác nói hoa màu tím rể lớn, tục gọi là Bạc-

đột. Đột-lô-bạc ở Nhĩ Nhã là đó. Kẻ hậu học không hiểu thường thường đọc là lai phục. Cha mẹ thích ăn, là tổ tiên cha mẹ ăn vào thành tiên. Nhân đó mà lấy làm họ. Pháp Hoa sơ nói: Hai thứ mà tiên xưa rất thích là hồ đậu, bản dịch mới gọi là thái thức thị “họ đậu), bởi đồng nghĩa này. Thực cũng là đậu. Tìm sâu đến chỗ rốt cùng. Ngài Kinh Khê nói: Khuyên chớ quên gốc. Nên nói là tìm sâu. Trở đi đều thế. Ngài Thân Tử cũng vậy. Năm thứ lợi ích:

1. Thị hiện làm ngoại đạo mà hóa độ các đồng loại.
2. Ở Lộc uyển hiển giáo bốn khô.
3. Thời Phương đẳng thẹn tiểu mền giáo bốn vinh.
4. Thời Bát-nhã tin hiểu giáo bốn vinh.
5. Thời Pháp Hoa ngộ giáo bốn vinh.

Tất cả là dùng quyền dẫn thật căn cứ năm nghĩa này, nên gọi là tìm sâu đến chỗ rốt cùng.

Từ chối không kham, có hai: a, Phân khoa. b, Tùy giải thích, Chánh từ chối không kham. nói lý do không kham. Biểu thị đi tắt và quanh co, là ba giáo tích quán quanh co đến Hóa thành nên gọi là khúc kính (đi tắt và quanh co). Bán mẫn đối nhau, ngài Kinh Khê nói chỗ phá định là bán, hay chê trách là mẫn. Trung môn hoặc ba, hai, một tuy lại bất định nhưng ba thứ đều gọi là mẫn, vì do đây được tên đối nhau. c', chánh kể việc bị chê trách, có hai: a, Phân khoa. b, Tùy giải thích, Chê trách chung, có hai: Chánh giải thích. Không phải chỉ đến tiểu ích, ngài Kinh Khê nói: Nói pháp nhỏ để dạy kẻ đại cơ, cho nên cả hai đều lỗi. Nên chê trách chung rằng không đúng như nhân giả nói, ý nói điều không nên nói.

“Do vì...” là kết bầy. “Thiền định ... không sáng” là sức định cạn bên đại pháp Không sáng. Chê trách riêng, có hai: a, Phân chương nói ý. b, “Như Pháp Hoa ...” là tùy văn giải nghĩa, ngoài nói trong hiểu dùng Thông giáo tức Không để phá nói pháp Không đúng đạo lý. Phải đúng như pháp mà nói, gồm nêu chương khuyên chung. Riêng nói, phân khoa nêu nghĩa, “Cần lược ...” là nêu nghĩa, nói Tiểu, Đại Không đồng, là Nói hạnh tướng của ba Không. Khác, nói ba Không của tiểu, gồm Chánh giải thích, Nói chung về ba Không. Phân tách năm ấm không, là tâm thì niệm niệm sinh diệt, sắc thì bốn đại Không đồng. Ở mỗi mỗi đại lại phân tích mà phá. Như một địa tách ra đến lân hư trần thì thấy năm ấm là Không, nên gọi là pháp Không. “Cho nên A-hàm ...” tuy một kinh hai luận đều nói nhiều ít về nghĩa ba Không gồm thấu tất cả. “Ai già chết...” Đại luận dẫn kinh Tạp A-hàm nói: Mười hai nhân duyên từ

vô minh đến lão tử. Nếu có người nói già chết ấy hoặc nói ai già chết đều là có tà kiến cho đến vô minh cũng như thế. Nếu nói không ai lão tử thì phải biết đó là hư vọng, đó gọi là sinh Không. Nếu nói không lão, tử ấy phải biết đó là hư vọng, đó gọi là pháp Không. Cho đến vô minh cũng như thế. Kinh kia nói Phật ở tại xóm điều phục trâu, bảo các Tỷ-kheo rằng: Trước giữa sau đều thiện cho đến Phạm hạnh thanh tịnh nói là đại Không. Kinh nếu có hỏi nói người ấy ai già chết, già chết thuộc ai. Người ấy tức nói ngã là già chết. Nay già chết thuộc ngã, già chết là ngã sở. Nếu lìa vô minh mà được minh thì bị ai già chết, già chết thuộc ai, già chết thì dứt. Đoạn dứt căn bản thì vô minh diệt mất, vô minh diệt mất thì các hành cũng diệt mất đầy đủ hai Không nên gọi là đại Không. Cho nên biết Tiểu thừa Không ở ngã sở thì gọi là pháp Không. Không ở ngã nhân thì gọi là chúng sinh Không. Nếu các Bồ-tát lấy không Niết-bàn trần sa Phật pháp thì gọi là pháp Không. Có người bảo Tiểu thừa Không biết pháp Không là chưa hiểu ý kinh. Dầu có giáo Thành thật nói người Thanh văn chỉ được sinh Không lại nhường Bồ-tát. Là nói ban cho và đoạt. “Có sư... ..” là giải thích riêng về bình đẳng, có hai: a, Người xưa giải nghĩa. b, Thầy nay xét hỏi, Xét hỏi bày nghĩa. Trong văn trước lấy bình đẳng đều sinh pháp. “Nếu thẳng...” là dùng sinh pháp đều bình đẳng. Đã cho sinh pháp cùng không khác nhau, thì theo lệ chung phải bình đẳng và không có khác. Thế nên sư nay lập nghĩa ba Không khác nhau. “Nếu chỉ...” là nhiếp thuộc về hai Không. Như A-hàm chỉ nói hai Không mà pháp nhiếp bình đẳng. Cho nên biết ba Không mọi nơi đều đầy đủ. “Niết-bàn không...” là còn nhiếp Niết-bàn huống là bình đẳng, vì bình đẳng chỉ là khởi sinh kiến pháp bình đẳng. Kiến này cần phải phá. Nên có năng sở. “Tuy lại...” là kết: 1. Nêu. 2. Phá vọng...” là nói ba Không của Diên, “Nay...” là căn cứ dụ làm sáng tỏ: Nắm tay ngón tay thật dụ cho tích Không. Bóng nắm tay ngón tay ở trong gương là dụ cho thể Không. Nắm tay ngón tay thật... là tuy biết mở ngón thì không còn nắm tay, nhưng ngón tay máu thịt vẫn còn, cho nên cần phải tích phá mới không. Còn những vật nhìn thấy trong gương thì hai thứ đều vốn “không”. Ngón tay còn không thì nắm tay sao có được. Nắm tay là dụ cho giả danh, ngón tay là dụ cho thật pháp. “Người trí...”, ngài Kinh Khê nói: Không có nắm tay là sinh Không, không có ngón tay là pháp Không, không có không tức là bình đẳng không. “Ba thứ này...” là kết: Bốn câu tánh tướng chẳng tồn tại là tánh không. Trong tự, ngoài tha, khoảng giữa, và chung tự có không có nhân, bốn tánh ấy đều Không, cho nên nói là chẳng tồn tại. Cũng không là chẳng trụ. Nghĩa là

bốn câu nói chẳng trụ ở không có. Đây tức là tướng Không. Cho nên ba Không trước mỗi thứ đều đủ tánh tướng hai Không.

“Nếu ba ...” là luận ba Không nhập đạo, hai thứ khác nhau. Trước nói, tiểu giáo nhập đạo. Kế, “nếu diễn ...” là nói Diễn môn nhập đạo. Trước nói ba thứ trước là phương tiện... chữ ba lẽ ra viết là hai, e lầm. Ngài Kinh Khê nói hai thứ Không trước là phương tiện... là do nhân pháp đều Không mới nhập vào Chân không, bèn gọi là bình đẳng. Phải biết rằng chỉ không của sở chứng gọi là bình đẳng. “Nếu diễn...”, thì diễn chung cả ba giáo. Trước nói Biệt Viên, kế nói Thông giáo. Vì cơ Thông giáo xen tạp nên cần phải nói riêng. Lại trước là nói chung, chỉ nói tức chân nhập trung. Kế là nêu riêng, bèn phân biệt lợi độn, độn thì tức chân, lợi thì nhập trung. Trước nói tức chân nhập trung, ngài Kinh Khê nói: Đã là Không thiện xảo tức chân tức trung thì không nên nói riêng. Nói tức chân, là không hẳn đều tức. Nhưng nói chân này thông đến trung. Thế nên giải thích rằng đều thông pháp tánh.

“Nếu thông ...” là riêng nói về Thông giáo, cũng là riêng bày nghĩa Diễn. Bạc Trí thượng căn văn thoát chữ lợi lẽ ra nói là thượng căn lợi trí, ngài Kinh Khê nói: Trước nói độn căn không thấy pháp tánh chỉ trụ ở thiên chân, nên nói đồng độn thấy chân. Thượng căn lợi trí thông đến pháp tánh, tức là kẻ lợi căn trong hàng Bồ-tát. Đã chung lợi độn nên nói là “cộng Không”. Ngài Kinh Khê nói: Nếu không tin có nghĩa “cộng Không”, là nay hỏi người khác rằng: Vả lại như kinh nói pháp Không có chúng sinh lìa cấu chúng sinh... đâu không phải là không có chúng sinh, ngã, nhân, thọ mạng... bốn thứ. Bốn pháp này Nhị thừa đã lìa bỏ, sao lại còn lấy để chê trách Tiểu thừa. Đã trách tiểu thì đại tiểu cần phân biệt. Nay phải nói là sở lý (chỗ lìa) không khác mà trí năng không thì khác. Nay ý nhà ta lấy ba thứ trong năng lý mà thông chân cùng chứng vung không khác. Nên biết năng lý của Biệt Viên vĩnh viễn trái nghịch. Giải thích nghĩa, là các thứ đều căn cứ đủ vào ba giáo, tục đồng mà chân khác, chân và thể cần phân ra. Nay sở từ ưu thắng, lại theo viên mà giải thích, thì tâm pháp pháp tánh lời nói ấy còn thông. Ba cú Không dưới đây tất cả đều thế. Khéo được ý chỉ này mới có thể nói là hiểu rõ ba Không. Lại nữa, kinh văn đã nêu các câu phạm chữ “các pháp” cho đến tên các pháp tánh trong giải thích tất cả đều cần phân biệt khiến đủ ba chân. Nếu riêng mình viên, thì ngoài tâm không có cảnh, một nhiếp tất cả, đều dung thông. Nay gồm nghĩa chê tục, nghĩa thông Quyền thật cho đến sơ tâm. Nên biết chỗ quán không ra ngoài tất cả tâm pháp nội giới. Vì do tức mà nghĩa tạp, chân khác. “ Nay tịnh

...” là kết bày ý kinh. “Pháp Không ...” là tùy văn chánh giải thích, Nói thể pháp sinh Không phá tích pháp sinh Không, Nêu bày huyền giải, “Hỏi ...” là huyền giải, Huyền đoạn (ngầm đoạn) sinh Không tức trung, nên nghi hỏi trung trước là nhắc lại nghĩa trước, sao được nhập trung là chánh hỏi. Ngài Kinh Khê nói: Đây là dựa vào trung của Thông giáo thiên sinh Không mà hỏi. Trong lời đáp đều căn cứ lợi căn trong Thông, từ trong lợi căn của Viên giáo mà giải thích nghĩa không. Dẫn kinh để chứng nghĩa tất cả đều như thế. Xét kỹ trung bảy lần, hiểu sâu ý ba chân mới rõ được trung này. Kinh văn trước sau dựa vào viên mà giải thích, chúng sinh còn được tức pháp tánh hướng là chúng sinh Không đâu thể Không phải ư? Cho nên khiến tất cả đều hướng đến ngã nhân. Kế dẫn sáu pháp của Đại kinh mà đáp. Hỏi: Năm ấm thân ngã gồm thành sáu pháp Không tức không ly đã như văn kia, trong đó chỉ lấy ngã không mà thôi, cho nên dẫn sáu mươi hai kiến tức là đáp vậy. Ở nhiều chỗ văn đã liệu giản xong, đây sao còn nghi? Như nói tức chân nhập trung, cho nên ở văn sau phân căn thượng hạ. Hạ căn tức chân còn thượng căn tức trung. Tức trung thì ở sâu, tức chân thì ở cạn. Sâu không mất cạn, cạn thì sót sâu. Cho nên che cạn mà theo sâu, một tiếng thông khắp. Hướng lại dựa vào kinh bộ, lý hợp tùy cơ, chuẩn theo hiện văn của kinh lại từ thông mà giải thích. Như nói pháp Không có chúng sinh. Pháp ba giáo đều không có chúng sinh. Do dụng trí không đồng mà khiến thành ba thứ khác nhau. Cho nên pháp tánh thật tuệ cho đến phương tiện lời nói ấy đều thông. Nhưng thí dụ chữ nhất là không chung Thông Biệt, lại cần phải biết. “Đã...” là các câu trở xuống, trong phương tiện tuệ đều có hai ý tự hành và hóa tha. “Lại ...” các câu nói tâm và tất cả pháp, là do các câu này trải tâm căn cứ pháp ai có kiến mà chẳng nghĩ hạnh mình, cứ một mực chuyên căn cứ vào pháp văn tự ư? “Nay nói ...” là huyền thích: Pháp tức nghĩa vọng tâm. Tâm cấu, tức tùy nhiễm duyên, tâm tịnh là tùy tịnh duyên. Nhiễm tịnh đã khác thì mười giới đành phân chia. Do tánh bốn cụ (vốn đủ) nên tùy duyên mà năng tạo. Cho nên phụ hành giải thích “tạo” gồm hai nghĩa:

1. Dựa vào lý thì tạo là cụ.
2. Dựa vào sự thì tức là mười giới y chánh đều do tâm khởi, nêu bày rõ ràng như hiển tánh lục.

“Pháp Không...” là tùy văn chánh giải thích, Nói không có chúng sinh, Nêu tên chỉ chung. Đây trở đi, đều đủ ba nghĩa. “ Một căn cứ ...” là chính nói ba giải. Tâm và các pháp, tâm tức năng tạo, các pháp tức sở tạo. Pháp đã do tâm tạo thì nói toàn pháp là tâm, chỉ quán năng tạo

tức đủ các pháp. Lý này không đổi, gọi đó là tánh. Vì tánh của các pháp nên gọi là pháp tánh. Lại tánh thường làm phép tắc nên gọi là pháp tánh, tánh tức là ba đế vậy. Không bị hoặc nhiễm là tức hoặc là lý, nên không bị nhiễm. Như tâm tướng Ưu-ba-ly... ngài Kinh Khê nói: Văn sau chính căn cứ vào tâm phạm tội xưa nay vốn vô cấu. Như Ưu-ba-ly được giải thoát Tiểu thừa lẽ nào không thấy tâm có tội. Tánh tâm không khác nên dựa vào lý tánh thì tất cả không cấu. Thắng Thiên vương là dẫn tự tướng không để chứng lý pháp Không có chúng sinh cấu. Dẫn tự tướng lý để chứng lý trung lìa chúng sinh cấu, đều ước pháp tánh và đều nói tự tướng. Kế, trong thật tuệ, trước cũng nhắc lại pháp tánh, là do tánh Không có nên nay tuệ mới Không có. Tuy là tánh Không có mà cũng có, ấy là do Không có tuệ chẳng thể tự nhiên Không có. Chỉ nói nếu pháp... mà không nói tâm, là tâm pháp nhiếp nhau nên chỉ nêu một thì thông cả hai. Các câu tiếp theo tất cả đều thế. “Pháp tánh ... phiền não cấu”, là trong đây đủ cả hai:

1. Hoàn toàn không biết trong chân không có ngã.
2. Dẫn biết chân đế nhưng không biết trung đạo.

Do đây nên khiến ngã cũng còn cấu. Vì có cấu nên đều gọi là vọng kiến. “Nếu hiểu ...” là nói rõ thật tuệ bèn kế lý không. Các câu tiếp theo tất cả đều thế. “Ba thứ này tức ...” là tổng kết hiển quán khác, có hai: a, kết khác Tiểu thừa. “tiếp theo...” là hiển tức quán tâm. Nói về vô ngã, có hai: a, Nêu chung đối phá. b, Chánh nói ba giải thích. Điều so với tạo tác trước là so phương tiện trước đều có tự tha và kết ba thứ như chữ nhất ở đời.

Tiếp nói pháp Không có thọ mạng, nói không có nhân. Ngài Kinh Khê nói: Không đồng như phàm phu đến dẹp trừ bờ mé, vả lại đã căn cứ vào đây tiện ở hai biên, cho nên phải nói đầy đủ lẽ ra nói không đồng với bảy thứ người phương tiện. Đây không phải riêng mình viên không được mà nói. Mà tiếp theo sau đều căn cứ theo đây.

Nói thể pháp pháp Không, phá tích pháp pháp Không, có tám: Nói pháp thường tịch nhiên. Kế tám phen nói thể pháp nhập pháp Không, ngài Kinh Khê nói: Trước nói người Diễn môn, tức là pháp Không phải nói riêng. Nhưng chỉ ở trên sinh Không tới trước mà chỉ bày pháp Không. Cho nên thể pháp nói thông nhân pháp, vì vậy đối nhân pháp sở không còn có khác. Dựa theo sở không mà nói nên lại nói lại. Cho nên trong nhân sở không chỉ đối thọ mạng chúng sinh, tức năng không kia thể thường tịch diệt. Các tướng thường diệt tức gọi là pháp Không. Nếu không nói, thì lấy gì mà biết. Tiếp theo sau đều như thế. Đọc là

thể nhập. Hành là xét, tiêu là hiểu rõ. Ý giáo trước sau so nhau đều thế. Luôn luôn dung hội nhau không khiến mê ý chỉ.

Nói pháp lìa ở tướng. Mười tướng, ngài Kinh Khê nói: Kinh Niết-bàn nói sắc thanh hương vị xúc sinh trụ diệt và tướng nam nữ. Chỉ lìa mười thứ này chưa đủ để hiển bày đức của đại Niết-bàn. Song ý kinh là nói : Trong Niết-bàn không có mười tướng này, không phải chỉ phá thứ này mà thành đại Niết-bàn. Trí thức là thức phân biệt, cũng là trí phân biệt. Ở đây chính là không. Giả hai tướng, nên nói là phân biệt. Cho nên lý trung đạo không phân biệt thì cảnh ấy không phải là sở năng duyên của trí thức.

Hỏi rằng: Cũng có một trí mà duyên với nhiều cảnh. Như dùng tục trí mà chiếu đầy đủ chiếu trung, cho đến chân tục lại cùng chuyển chiếu lẫn nhau, lý đó như thế nào?

Đáp: Nếu luận thông tướng nhập cảnh không trí tức dùng một tục đối ba chân. Chiếu lẫn nhau chuyển chiếu không luận ở đây.

Nói pháp Không có danh tự.

Nói pháp Không có ngôn thuyết. Ngài Kinh Khê nói: Vì các ngôn thuyết từ giác quán sinh ra. Phàm các thứ có nói năng đều từ giác quán. Pháp tánh đều lìa năng thuyết sở thuyết. Pháp tánh vốn là thật tuệ “không” soi chiếu, phương tiện không đắm trước nên khiến như thế.

Nói pháp Không có hình tướng.

Nói pháp Không hý luận. Không có pháp ái kiến hý luận, tức tâm ái tâm kiến, vốn có nói năng không hợp với thật lý, nên gọi là hý luận. Triệu Pháp sư nói: Đủ cảnh vô ngôn, phàm có nói bàn đều là hư hý.

Nói pháp Không có ngã.

Nói pháp Không có phân biệt.

Không phải sáu, bảy, tám thức, thức gọi là phân biệt, nên nói đều là vô ngôn. Sáu thức là gồm nhiếp năm thức trước, nêu đủ nên nói sáu. Không phải chỉ thức thứ sáu. Mà các thức đều vọng, nên không phải là chân lý. Như kinh sau nói: Không nương cả sáu trần, há chỉ có thức thứ sáu.

Nói thể pháp bình đẳng Không để phá tích pháp bình đẳng không, gồm nêu bày. “Và các câu, là ...” có chín câu. Tợ bình đẳng Không, ngài Kinh Khê nói vì chuẩn vào tuyệt đối đãi và đồng pháp tánh, tùy Như trụ thật tế đẳng mà nói thì toàn là bình đẳng. Nhưng thế các câu như lìa xấu tốt và qua mắt đẳng cũng muốn đồng hai pháp sinh Không ở trước, bao gồm tiến thối nên nói là tợ (giống). Lại không đồng với bảy thứ trước, nên nói không thuộc nhân duyên. Không tới lui... đã ba Không là một

thể nên được nói thế. Đã sinh pháp giống nhau có đối đãi, nên lấy bình đẳng mà duyên lại. “Pháp Không ...” là tùy giải thích, có hai: a, Nói bảy phen, Pháp Không có so sánh, chánh căn cứ ba giải thích. Ngài Kinh Khê nói trước nói không có đối đãi nhau thì vô ngã là dứt mất, dứt mất đối đãi, ấy nên từ tâm dứt mất không phải từ sự mà dứt mất. Sự dứt mất vô cùng thì dứt mất lại chẳng dứt mất. Tâm dựa vào thật lý, lý tức pháp tánh. Mà pháp tánh vốn “không”, còn không dứt mất huống là chẳng dứt mất. Các hoặc đối nhau tự nhiên diệt mất, là trí xứng pháp tánh mới gọi là diệt. Thế nên pháp tánh cũng diệt mất cả dứt mất. “Nay lấy ...” là nêu nghĩa bình đẳng không. Ngài Kinh Khê nói: Lý bình đẳng vẫn có chỗ còn, cho nên được hai Không tức gọi bình đẳng. Nói chỗ còn, tức ý muốn khiến dứt mất thì không còn gì nữa. Nên biết bình đẳng tự nó không có bình đẳng ấy mới gọi là bình đẳng Không. Nếu không thế, thì đâu gọi là Diệt môn! Ba Không cùng lúc muốn hiển công năng cả ba vì không sai khác, nên nêu chỗ còn mà hiển bày chỗ không còn. “Muốn được bình đẳng thì cả sinh pháp cũng Không, há lại còn thấy bình đẳng, cho nên nói bình đẳng cũng không. “Nhưng tam tạng ...” là lại dẫn ba thứ tiểu để hình thành ba thứ đại. Dầu có bình đẳng mà trọn không có lý khác, huống lại khi thành tiểu giáo hai Không mà còn chưa có bình đẳng, huống lại tu không để không có bình đẳng. Thế nên ba Không của đại tiểu chẳng đồng. Trí chướng tâm diệt, là khi có trí chướng thì vẫn thuộc đối đãi. Trí chướng chỉ là trí Không, Giả mà thôi. Tuy nhân chung thừa mà đến vị sơ trụ thì trí chướng ắt diệt.

Pháp Không phải nhân duyên. Sáu nhân bốn duyên, luận Câu-xá nói: “Năng tác và câu hữu, Đồng loại và Tương ứng. Biến hành cùng Dị thực. Kể nhân chỉ sáu thứ”. Đại luận nói sáu nhân là sở tác nhân, cộng nhân, tự chủng nhân, biến nhân, tương ứng nhân, báo nhân. Bốn duyên là nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên. Bản dịch mới thì thứ đệ duyên gọi là đẳng vô gián duyên, duyên duyên gọi là sở duyên duyên. Còn hai thứ kia thì đồng tên. Sở tác nhân thì không ngại người khác. Tương ứng nhân thì tâm và tâm số pháp đồng nhân đồng duyên. Vì tâm và tâm pháp cùng tương ứng nên gọi là tương ứng nhân. Tâm và tâm số pháp lấy tâm tương ứng làm nhân, nên gọi là tương ứng nhân. Như thân hữu tri thức hòa hợp mà thành việc. Cộng nhân, tất cả pháp hữu vi đều là cộng sinh nhân. Vì cộng sinh nên giúp đỡ nhau, anh em đồng sinh cùng cứu giúp lẫn nhau. Tự chủng nhân tức thiện pháp quá khứ làm nhân cho thiện pháp ở hiện tại, thiện pháp hiện tại làm nhân cho thiện pháp vị lai. Pháp ác vô ký cũng như thế. Tất cả

mỗi mỗi đều có nhân tự chủng. Biến nhân như Tập đế... mười một biến sử gọi là biến nhân. Báo nhân, là làm nhân thiện ác được báo thiện ác. Bốn duyên, như năm nhân trên gọi là nhân duyên. Tâm và tâm số pháp thứ lớp tiếp nối không gián đoạn mà khởi, thì gọi là thứ đệ duyên. Tâm và tâm số pháp gá nhờ duyên sinh, nên gọi là duyên duyên. Các pháp khi sinh, không sinh chướng ngại thì gọi là tăng thượng duyên. Ngài Kinh Khê nói đại thể chỉ là pháp tánh chẳng từ nhân duyên sinh mà thôi. Vì pháp ở nhân ắt thuộc duyên. Cho nên nhân duyên tất là pháp hữu vi.

“Và mười hai...”, tức sáu nhân, sáu duyên và mười hai đều là sinh tử. Sinh tử tức ba đạo, ba đạo tức ba đức. Ba đức là pháp tánh. Ngoài ba đức thì không có ba đạo. “Nói cũng không phải...” là lấy mười hai duyên tên đồng việc đồng, mười hai chỉ là bốn và sáu mà thôi. Cho nên biết: Chỉ là ly hợp mà nói. Lại như vô minh tức là năng thông của hành. Tức hành của nhân đồng loại ắt có bốn tướng, tức câu hữu nhân năm bộ trong hành cũng là đồng loại. Trong hành vô minh thì tâm và tâm sở pháp cộng hành cộng cảm thì sở tác ắt đồng. Hành hữu ắt phải chiêu cảm thức dị thực... hành này ắt có hoặc của năm bộ biến hành. Về bốn duyên thì Trung luận nói: Tăng thượng tức năng tác. Nhân duyên, tánh năm nhân. So sáu nhân mà nói có thể biết. Song trong số văn thì nhân duyên, sở tác và tăng thượng nói cùng đối đãi đồng nhau, là như trong tăng thượng thì có lực không lực đều là năng thành so với sở thành, năng sở khác nhau nên gọi là đối đãi nhau. Hướng trong năng sở đều có dài ngắn lớn nhỏ... trong ngã pháp tánh đều không có việc đó, cho nên bị bình đẳng phá. Song trong Tiểu thừa người đã phá nhân duyên thì được nhập chân đế. Nay nói pháp tánh không thuộc nhân duyên, cho nên khác tiểu.

Pháp đồng pháp tánh. Một pháp nhập tất cả pháp... ngài Kinh Khê nói: Đã nói các pháp đều có an lạc, tức có nghĩa là vốn có nói tương nhập tức vốn tương tại. Lại nói hổ nhập là chỉ tương nhiếp tương, khiến biết rõ tương tại. Thấu suốt pháp tánh tuy vốn đồng, tu thật tuệ mà khắp nhập vào mới rõ tánh hổ nhập của các pháp. Lại pháp tức trí tuệ. Vì cảnh và trí không hai nên lý trí hợp nhau. Một và nhiều nhập vào nhau, thù ứng tự tại.

Pháp tùy ở Như, ngài Kinh Khê nói: Như như không khác là pháp tánh như và nhất như không hai. Lý trí hợp, là nói tất cả pháp ứng dụng đều thuận pháp tánh, chân như khởi tức chẳng khởi. Chẳng khởi tức là không có chỗ theo (sở tùy).

Pháp trụ ở thật tế, ngài Kinh Khê nói: Pháp tánh, thật tế cho đến như như đều là tên khác nghĩa đồng. Cho nên không có bốn biên, nghĩa cũng thông ba. Nay vẫn có một ý là do lược bỏ. Lý trí hợp, là giải thích tuy lý không biên, đã vốn đủ mà có thể khởi bốn môn của bốn giáo. Nhiếp vật mà trong không có lỗi chấp trước lưu động, nên nói các biên không động.

Pháp Không lay động. Không nương sáu trần, ngài Kinh Khê nói: nương là chấp trước vậy. Nếu thế thì tam tạng giáo Tiểu thừa lẽ nào chấp trước sáu trần sao? Đáp: Có tức có lìa, lìa nhưng vẫn đồng chấp trước, tức vì không đắm trước trung vậy. Trần và lìa hai chấp trước, tên chấp trước không khác. Như khóa vàng hay sắt đều có nghĩa là trói buộc. Nay Ma-ha-diễn hai thứ đều lìa bỏ do thấy chân tục pháp giới nên phải thế. Lý trí hợp là phương tiện hòa quang mà không đồng trần, nên nói không nương sáu trần.

Pháp Không tới lui. Ngài Kinh Khê nói: Hỏi: Nói không trụ, thì chỉ là tới lui, sao được tới lui mà giải thích không tới lui? Đáp: Không trụ thì không đi, không trụ không đi thì không tới lui, cho nên lấy đó mà giải thích không tới lui, là ý nói pháp tánh không thiên trụ. Cho nên nói không trụ, là khác Nhị thừa có đi có trụ. Lý trí hợp, là phương tiện hóa vật không tướng tới mà tới, không tướng lui mà lui.

Nói chín câu, có hai: a, Nêu câu chánh giải thích. “Nếu Thanh văn” đến “mười sáu hạnh...”, là ngài Kinh Khê nói: Thất tức là không vô ngã, vô tướng tức là diệt. Bốn vô tác tức mười thứ kia nương để mỗi thứ riêng khác, ba thứ không gồm nhau. Nếu Diễn môn thì ba pháp thâm nhau, hoặc chân hoặc trung đều không có hướng khác. Ba trong một pháp tánh cũng đâu có khác. Dẫn kinh Tư Ích, là chúng sinh tức lý tánh diệt định, lý tánh diệt định còn đầy đủ cả ba. Cho nên biết lý tánh không khác, vì vô tướng, vô nguyện vậy. Cho nên trong một lý rất có thể tương tức, còn tức chúng sinh thì các thứ khác nào khác. Tức là trở về tông mà nói nghĩa, tức trở về ba lý diệt định trong thân chúng sinh kia. Lý là tông gốc nên nói là trở về. Ứng dụng tức là tuệ phương tiện cũng có ba. Tuy đồng tha hữu mà hữu thường đồng lý. Trong lìa tốt xấu thì ly tuệ hợp nhau, tức hiện mười giới xấu tốt mà không lấy bỏ, tức là lìa vậy. Tăng tử..., ngài Kinh Khê nói: Hỏi: Trong tăng tử cũng gọi sinh tử cho đến Niết-bàn, nào khác với trước mà đây lại nói? Đáp: Xấu tốt dựa theo quả báo, tăng tử căn cứ ở công năng, hai môn tuy khác, mà sinh tử vẫn đồng, tên khác mà nghĩa đồng, luận lại có gì lạ. Tiếp sau, chuẩn theo đây mà biết. Pháp qua tai mắt..., tức cùng trước là các

thứ cho đến không nương sáu trần và nay là qua tai mắt..., tức chỉ là pháp tánh không phải ba thứ căn, cảnh, thức. Văn tuy cách vượt, thật ra ý vẫn thông nhau. Ngài Kinh Khê nói: Song pháp tánh không có tên gọi như mắt v.v... trong mỗi mỗi căn đều là pháp giới nên nói là qua. Nếu thật tuệ, thì được tuệ cho nên qua, hoặc phương tiện nhập giả cho nên qua. Văn lược bỏ không nói cao thấp. So sánh ắt biết. “Tứ chẳng ...” là lược chỉ liệu giản, có hai: a, chỉ tóm lược lời nói trước. b, Chọn nghĩa dùng trước. Ngài Kinh Khê nói khác tam tạng giáo, là lý đều khác ba giáo, sao chỉ có tam tạng giáo. Nay mất hai thì nên biết, có thể khác ắt khác ba giáo. Nay trong văn kinh Thông giáo giống hiển nên lại theo đó. Người giải nghĩa vì cần khiến viên hiển ý văn, vì môn phải tu, vì sâu gồm cạn, vì ý đầu của Phật... cho nên khiến phải suy nghĩ chọn lọc khiến nghĩa trở về Viên.

Tiếp kết phá, có hai: a, Chánh giải chỉ ngài Mục-liên đến có thể nói ư? Ngài Kinh Khê nói: Cho nên biết không phải chỉ viết tam tạng nói. Nói như thế, tức pháp tương ứng như vừa giải thích, há có thể chỉ như ngài Mục-liên mà nói ư? Mục-liên đâu không thể nói: Trong tam tạng giáo pháp Không có chúng sinh lìa cấu chúng sinh... mà bị ngài Tịnh Danh chê trách ư? Pháp đã gồm ba, Ngài Mục-liên còn chẳng thể nói huyền tục trong ba pháp thì sao có thể nói ba chân tức huyền, các pháp lý trung trong Viên của tức chân. Cho nên kết chỉ rõ pháp tương ứng như thế, đâu như Mục-liên lấy tam tạng giáo mà nói. “Hỏi ...” là giải thích nghi hai thứ phải như pháp mà hiểu, có hai: a, Phân khoa. b, Tùy giải thích, có hai: a’, Chê trách không hiểu, có hai: a”, không hiểu hay nói không. Ngài Kinh Khê nói phàm người nói đều bình đẳng. Song chuẩn theo thứ lớp thì trước chê trách hiểu, sau mới chê trách nói. Nay trước chê trách nói, sau chê trách hiểu là chính chê trách ngài Mục-liên nói pháp tương ứng nên phải thế. Nói không như pháp là bởi do không hiểu, cho nên trách nói sau mới trách hiểu. Như thế mà hiểu, thì mới có thể hiểu đúng mà nói cho người khác nghe. Cho nên trước kết rằng hiểu phải như thế, đâu có thể vội vàng vì cư sĩ mà nói ư? Bốn bất khả thuyết, nên biết pháp tánh còn không thể làm Viên giáo mà nói, huống lại làm ba giáo, đâu có thể nói ư? Dẫn kinh Pháp Hoa, vì chứng từ cực ba giáo nên gọi là dư (còn lại). Thông Biệt giáo còn mê hướng là tam tạng giáo. Không hiểu thường nghe không có. Ngài Kinh Khê nói: Người nghe pháp thì không nghe không được... đây là cũng chê cái lỗi nói bày, chỉ do nói bày mà không chỉ cái thể Không nghe không được. Cho nên khiến người nghe có nghe có được.

Nếu “Mục-liên ...” là lấy có nói bày mà chánh kết, để trách không thể đối trong pháp tánh mà quên đạo thầy trò. Mục-liên há không thể đối chân đế thể trung mà quên thầy trò ư? Chuẩn ở xuất định chân cũng không quên. Tiếp mượn huyền làm dụ. Ngài Kinh Khê nói: Văn trước phần nhiều nói rằng huyền tùy ba chân. Nay ai nói rằng bốn lý như huyền? Đáp quá huyền Niết-bàn suy ra có thể biết. Văn đầu chỉ nói căn cứ Thông giáo mà trách, giải nghĩa trước sau đều làm một huyền tùy ba chân mà chuyển, bèn thành ở Biệt Viên tiếp thông đối Thông tức ba, đâu chỉ hiểu ý chỉ của kinh dành riêng cho Thông giáo ư? Đáp: Thông là năng Thông, Biệt Viên là sở thông. Có công năng thông Biệt Viên, cho nên trước chỉ dựa thông giáo mà giải thích. Năng sở đối nhau, tức đủ cả ba. Nếu từ tiếp biên, thông là sở tiếp, Biệt Viên là năng. Chỉ duyên bao nhiêu lý có thể tiếp, thì khiến năng tiếp có công năng. Hướng nghĩa ở Thông đều bao gồm năng sở. Nếu nó không lấy nghĩa tiếp để giải thích, thì do đâu để nói lợi căn ở Thông căn sinh tiếp đãi, thì cơ tiếp đãi thành. Nay còn ba giải thích là thuận tiếp nhập Viên mà tiếp Biệt giáo. Văn này trước sau ít nói về nghĩa tiếp, chỉ được từ bao gồm mà phán chung. Cho nên cần liệu giản tường tận Thông cả văn trên dưới. Hướng nay trách Mục-liên, hoặc hiểu hoặc nói không xứng pháp tướng. Chính phải không được hiểu sâu ý chỉ về hai thứ nhập thông, thông nhập hai thứ. Nên phải khiến Mục-liên nương vào ý quán giải trung đạo mà nói pháp, hướng lại nói tiếp. Song cần phải biết cơ. Mục-liên lại không có trí quán cơ. Nên khiến nói hiểu không đúng cơ. Nếu nhập như huyền..., đây dẫn Tam-muội Như huyền trong hai mươi lăm Tam-muội. Cho nên khiến nương lý Viên bất tư nghi mà nói pháp. Ngoài hiểu rõ căn duyên, trong khéo tri kiến, dùng Biệt giáo mà phá việc nói pháp Không đúng căn duyên, có hai: a, nêu ý phân khoa. Ngài Kinh Khê nói phải hiểu biết đến tùy bệnh cho thuốc là. Hỏi: Trước đã dựa theo Viên, đây vì sao vẫn là Biệt? Đáp: Trước chính ở Thông chân lý trong Thông tuy gồm Viên Biệt nhưng chỉ là tục, chưa phải là trí tri căn. Mục-liên có thể trong nhân môn này mà nhập Viên nhập Biệt, còn cần khuyên dùng trí trung chiếu tục khiến thành diệu tục. Hướng trước đây đã vì lợi căn mà luận chung cơ duyên không đồng mà vẫn cần biệt. Cho nên do đây mà lấy biệt để chê trách. Một là trách chẳng biết căn, hai là trách có ngăn trệ. Trách ngăn trệ vẫn cùng Thông giáo lược đồng, vì trong Thông giáo trước chân sau giả vậy. Cho nên trước trách ông không biết căn duyên, hướng có trách ngăn trệ. Chính là do không biết căn duyên. Văn ở sau, tức văn sau ý trước.

Tiếp tùy văn mà giải nghĩa, trách không biết căn duyên. Như Lai biết căn, là biết chúng sinh căn độn mà nói Tạng giáo tích không. Nên nói cho nên kinh Thanh Văn... nay cư sĩ lợi căn phải nói Thông giáo thể Không, vì sao lại nói tam tạng? Cho nên ngài Kinh Khê nói: Trong văn chỉ nói Tạng, Thông đối nhau để luận lợi độn cũng chỉ một mực nhờ thông mà thôi. Nay cũng có thể nói tất cả lợi độn đều không biết. Ngài Mục-liên chỉ đoán nhầm người khác mà vụng nói giáo. Đã không biết tiểu độn mà cũng không biết đại lợi, hướng là mười sáu môn và sáu mươi bốn đều lợi độn ư? Cho nên nói lợi độn thì có Thông có Biệt. Thông thì căn cứ mười sáu, Biệt thì chỉ Diễn môn mà nói. Cũng có thể dung hòa mà biết mười sáu của tam tạng. Cho nên nay do đó chê tiểu mà dạy đại. Ba Không đều thế. Cho nên cần phải hiểu đây.

Tiếp là trách tri kiến có trệ ngại. Ngoài thương chúng sinh, trong nghĩ nhớ báo ân Phật, nên dùng Viên giáo mà phá việc nói pháp Không đúng tâm Phật, nêu ý phân khoa. Ngài Kinh Khê nói: Hỏi: Trước đã dùng Biệt, lý hợp có bi. Nay đây cũng lấy đại Bi mà trách. Sao được phán quyết rằng lấy Viên mà trách? Đáp: Trước đối Chân không, lại lấy trệ không chẳng biết căn mà trách, không phải hoàn toàn không bi. Nay nói bi là thêm báo ân Phật, tức là vô duyên đại Từ bi. Cho nên lấy đại Bi nghĩ báo ân Phật mà trách thiên, chỉ là Từ bi lợi tục mà thôi, hướng là tám vạn cư sĩ cần ở tại từ. Cho nên tiến lên trách để cùng lợi cả hai.

Tùy văn giải thích, có hai: a, Nên khởi tâm đại Bi. b, Nghĩ nhớ báo ân Phật. “Ứng báo ... bảo chủng”, ngài Kinh Khê nói: Vận vô duyên Bi tức là đại Bi nghĩ báo ân Phật. Nếu báo ân Phật tức là không đoạn chủng. Nên biết Nhị thừa đã tự đoạn chủng mà cũng đoạn chủng người khác. Bởi không biết trong ba Không của Tiểu thừa, không có vô duyên Bi. Tuy nói trọn ngày mà không phải báo ân Phật.

Nghe pháp được lợi ích. Ngài Kinh Khê nói: Chuẩn theo đây cũng cần lược nói ba Không để kết về đức khéo nói của ngài Tịnh Danh, để trách nói pháp Không đúng pháp tướng, không biết căn duyên. Cho nên lại nói là đại cơ. Cư sĩ phát tâm, cho nên trên phá xưa chê tiểu đậu đại cơ không liên quan đến nhân thiên. Lại tiếng phát tâm là chung cả các cư sĩ căn duyên không đồng, hoặc là chỉ Viên hoặc là Thông Biệt, hoặc có Viên cơ, nên trước phải Thông Biệt, hoặc chỉ Thông Biệt đồng tào mà nghe khác.

Tiếp, kết thành không kham.

Sai ngài Ca-diếp:

Có hai: a, Phân khoa nêu ý. Đầu-đà, Hán dịch là Đẩu tẩu nghĩa là. Phủi sạch phiền não vậy. Kinh Thiện Trụ Ý, Thiên tử nói: Đầu-đà là phủi sạch tham dục sân nhuế ngu si, sáu nhập trong ba giới. Ngài Kinh Khê nói: Kế sai ngài Ca-diếp, là Thân Tử đã dựa theo quả mà trách. Mục-liên lại căn cứ nhân mà trách. Nay đây trong văn lại căn cứ nhân bao gồm quả mà trách. Nhờ đại nhân quả mà trách tiểu quả. Nhờ tiểu nhân quả mà bày đại giáo. Đại nhân là chỉ cho môn khát thực. Đại quả là chỉ cho pháp chánh thực. Tiểu nhân là tập đạo đế, tiểu quả là diệt đế. Đại giáo là Đốn giáo.

“Ca-diếp ...” là tùy văn giải nghĩa, sai thăm bệnh, gồm Chánh giải thích hiện văn, Giải thích. Ca-diếp, Hán dịch là Quy (rùa), bởi đời trước ông học đạo với Linh quy mang tiên đồ mà ứng hiện. Từ đức mà lập dòng họ, nên gọi là họ quy. Lấy họ làm tên, vì người thời ấy thường lấy họ mà kêu gọi, nên nói thế. Thật ra, ngài có tên là Tất-bát-la. Do cha mẹ cầu con ở thần cây, nhân lấy đó mà đặt tên.

Tiếp giải thích chữ đại, Giải thích nay, nêu nay căn cứ chỗ biểu thị, nên nói là đại trí... nếu dựa theo sự mà giải thích, thì trong hàng đệ tử Phật có nhiều người tên Ca-diếp, như thập lực Tam Ca-diếp... trong số đồng họ thì tôn giả là người lớn nhất. Nên đặt tên đại để phân biệt. “Sở ...” là giải thích thứ hai. “Có người nói ...” là giải thích khác cũng là giải thích về sự mà thôi. “Nêu sâu ...” chỉ đồng ý trước.

Tiếp từ chối không kham, có hai: a, Phân khoa. b, Tùy giải thích, Từ chối không kham. nói lý do không kham, có hai: a”, Chỉ lược chê trách quấy. Mười hai hạnh Đầu-đà, thì Nam sơn sao có nói: Vị phân làm bốn, tức là y ăn, chỗ ở và oai nghi. Trong y “áo) có hai:

1. Nạp y.
2. Chỉ ba y.
- Về ăn có bốn:
 1. Khất thực (xin ăn).
 2. Không ăn thừa.
 3. Ngồi ăn một lần.
 4. Ăn từ muống.
- Về chỗ ở có năm:
 1. Lan-nhã.
 2. Nơi gò mã.
 3. Dưới tàn cây.
 4. Nơi đất trống.
 5. Tùy nơi mà ở.

Về oai nghi có một là thường ngồi. Ngài Kinh Khê nói: Đầu-đà có ba ý, Bán mẫn chỉ là căn cứ giáo mà thôi. Pháp Hoa sơ văn phân biệt rộng đầy đủ.

“Nay hỏi...” là phá cách giải khác về trung. Nay lấy hai môn đối hai người. Ý tóm lược có thể thấy. Nay lại giúp một giải thích hai. Môn tuy được khác mà cơm thì một nghĩa, tức là Niết-bàn. E là người lầm mà viết quán hành... hỏi Đại sư thường dùng cách nào để trốn người khác? Đáp: Không phải tức không nhận chỉ chê trái vắn. Một nhà nêu vắn đều là việc trước tiên, kế là giáo, sau mới quán môn. Dầu là quán môn thì nương vắn nhờ giáo kham học chỗ chí đạo để làm lợi ích. Ngay đây mà lý giải, chỉ sợ mê tông kinh.

Tiếp “Nay nói ...” là chánh bày nghĩa kinh. Bản lý (xóm nghèo) theo Chu lễ, cứ năm nhà là một lân, năm lân là một lý. Lý là ở. Khiến hiện chuyển báo, ngài Kinh Khê nói: Phạm thí Thánh chúng đều mong được lợi ích hiện tại. Như ngài A-na-luật cứu kẻ đương nghèo khổ. Kê thời phế nghiệp, Kê là ngăn dứt không phải là khuôn phép cho người, là quen thói ngon ngọt đâu được gọi là Đẩu tẩu (đầu đà) thì đâu thể làm khuôn phép cho người được.

Nói việc không kham, có hai: a, Phân khoa. b, Tùy giải thích, Chê trách chung. Có tâm Từ bi..., ngài Kinh Khê nói việc khéo cúi xuống và ngược lên là ở đây. Để khen người có Từ bi thì cúi xuống khiến cho khắp. Như Lai khen ngợi mời cùng ngồi, là ngài Ca-diếp lúc nọ từ trong núi ra, thân thể dơ bẩn hôi hám mặc áo dơ xấu đến trước Phật. Các Tỳ-kheo nhìn thấy đều khinh gớm. Phật muốn diệt trừ tâm khinh mạn của các Tỳ-kheo, nên khen rằng “Thiện lai”, rồi chia ghế mời ngồi chung. Ngài Ca-diếp từ chối rằng: Đức Phật là Đại sư, con là đệ tử, làm sao lại cùng ngồi. Phật nói: Ta thiên định Giải thoát trí tuệ Tam-muội, đại Bi giáo hóa chúng sinh. Còn thầy cũng như thế, có gì khác nhau. Các Tỳ-kheo nghe xong liền khởi lòng kính mến. Bốn quan phước trí, kinh Pháp Hoa nói: Nếu người có phước từng cúng dường Phật ví nói Duyên giác. Cho nên biết phước đức lợi trí thì là dễ độ. Đây là chê trách ngài Ca-diếp theo nghèo. Cho nên một mực chuẩn theo lý dễ độ ở căn, đâu thể chọn giàu nghèo. Nếu như người nghèo mà ngu độn, người giàu lại trí lợi thì đâu thể bỏ giàu mà theo nghèo ư?

Tiếp, chê trách riêng, Ngài Kinh Khê nói trong chê trách riêng có bốn ý, từ đầu đến cuối là thứ lớp chê trách. Cho nên từ đầu biết ngài Ca-diếp lập ý muốn đến khát thực chỗ nhà nghèo, ý phát ra đã lầm. Do vậy sau đó chê trách khi đến xóm làng thì tâm lại lỗi. Cho nên không

có tướng thể nhập vào không tự, vào rồi thì được ăn, ăn ắt có lỗi, chẳng phải do quán đế đều không hợp lý. Nếu muốn trách thì dùng pháp nào, bèn luận đốn tiệm mà chê trách. Sự cùng lý tận nên kết khuyên. “Văn đầu...” là tùy giải thích, Trách lỗi tâm lỗi khát thực, Phân khoa chọn bày, “Hỏi nếu ...” là chọn bày.

Khổ tâm sở kế, chữ khổ phải viết là cổ (xưa), vì lầm. Tâm xưa kế hợp, tức khổ tập đạo ba thứ ngày xưa đã kế hợp với tâm. Tức văn sau nói: Trước là phá khổ đế này. Cho đến nói trước là được quả không ăn... tìm đọc số văn sau có thể thấy rõ. “Trụ bình đẳng ...” là tùy văn giải nghĩa, có bốn: a, dựa theo Tiểu thừa để phá chứng diệt, vốn có lý diệt đế bình đẳng tức ba đế tam thiên. Chúng sinh và Phật nhất như tự tha thông suốt, nên nói là bình đẳng. Hành sinh tu, Đại luận quyển tám mươi trước nêu kinh nói: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng Bồ-tát như thế nào là hành Bát-nhã Ba-la-mật, như thế nào là sinh Bát-nhã Ba-la-mật, như thế nào là tu Bát-nhã Ba-la-mật? Phật nói: Vì sắc là vắng lặng, vì sắc là hư dối, vì sắc là không thật nên phải hành phải sinh phải tu Bát-nhã Ba-la-mật. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế. Tu Bồ-đề lại hỏi hành sinh tu vào lúc nào? Phật nói từ sơ tâm cho đến ngồi đạo tràng đều hành Bát-nhã Ba-la-mật, sinh Bát-nhã Ba-la-mật, tu Bát-nhã Ba-la-mật. Đã nói trước sau đều hành sinh tu tức là nghĩa viên. Cho nên biết tức khi hành thì sinh, sinh nên lại tu. Nên kinh lại nói Tu-bồ-đề lại hỏi thứ lớp trong tâm đều hành sinh tu... ư? Đức Phật nói luôn không lìa tâm Tát-bà-nhã. Không khiến niệm khác được nhập là hành là sinh là tu. Nếu tâm và tâm số pháp Không hành là hành, là sinh, là tu. Có người giải thích rằng hành là ở Càn tuệ địa, sinh là Vô sinh nhãn, tu là ở sau Vô sinh nhãn, đây là ý của Thông. Nếu chuẩn theo ý thông thì biệt có thể biết. Tát-bà-nhã thì Đại luận dịch là Nhất thiết trí tướng. Ngài Kinh Khê nói ý nói trong tâm thứ lớp phải ứng hợp với Bát-nhã, tức thường cùng Tát-bà-nhã tương ứng. Vì thứ lớp tức không thứ lớp vậy. Ca-diếp sao không đem tâm như thế mà thứ lớp hành khát, mà chỉ mang tâm lấy bỏ ư? Do tích hiển bốn, tức là thấu suốt sự tức lý. Đây gọi là thể dụng bốn tích. “Nếu Ca-diếp ...”, ngài Kinh Khê nói: Kế đem quả Thân Tử nhập định mượn giải thích nhân ấy. Cho nên biết không lìa tâm Tát-bà-nhã, còn đối với ăn thấy tám tà tức là tám giải thoát. Nếu thường thấu suốt cơ lý, há khiến làm việc bỏ giàu theo nghèo. Sự làm còn thiếu sót thì đâu thể hội được chí lý. Bồ-tát tuy biết đến giải thoát, là tuy biết lý thường bình đẳng nhưng không ngại việc thứ lớp tu học. Tức tà là chánh nên nói không bỏ tám tà. “Vì sao...” là giải thích thứ lớp cầu tướng Đại thừa.

Đây tức là giải đốn mà hạnh tiệm. Nếu ước sơ tâm tức là ý thứ lớp chỉ quán. Tâm Tát-bà-nhã tức là giải viên dung. “Từ phạm ...” là nói việc trả thứ lớp mà hành. Thiền duyệt các định là ngăn dục tan lưới đạt đến định sắc và vô sắc. “Lại nhập ...” là ngăn dứt ngục ba cõi mà thấu suốt đạo Nhị thừa. “Lại nhập Bồ-tát ...” là ngăn dứt tự chứng mà thấu suốt đạo Bồ-tát. Đã nói các thiền thượng thượng tức gồm và dứt hai biên, thấu suốt đạo thường trụ vậy. Đối mỗi mỗi thiền đều có ba trí, ngài Kinh Khê nói: Nói đầy đủ như trong chỉ quán thiền cảnh. Quán các sự thiền đều thành diệu cảnh. Đây là người Viên giáo quán căn bản, cho đến chín thứ đại thiền của Biệt giáo, trong mỗi mỗi thiền đều thấy Phật tánh. Nếu người Biệt giáo tự tánh thiền thì chỉ ở địa tiền mà thôi. “Áy là ...”, Đại luận quyển tám mươi bảy nói hành gọi là Bồ thí, học gọi là Trì giới, đạo gọi là Trí tuệ. Lại hành gọi là Trì giới, học gọi là Thiền định, đạo gọi là Trí tuệ. Không quán giàu nghèo, tâm không lấy bỏ, thì đã là tâm, Phật và chúng sinh là ba thứ không sai khác, thì đâu lại bỏ giàu mà lấy nghèo ư? Nương pháp phân vệ, tức không chọn giàu nghèo cứ thứ lớp mà đi qua trước các nhà. Luật nói phép khát thực không được ở một nơi là vì làm phước cho người khác cho nên khiến phải đến bảy nhà. Phân-vệ, Hán dịch là Đoàn đọa, tức là lấy một nắm cơm để vào bát. “Ca-diếp nội tâm...” là chính nêu lỗi Tiểu thừa.

Căn cứ phá biết khổ. Ngài Kinh Khê nói: Kế sau là ba đế, trong mỗi mỗi đế đều ở trước pháp Vô học mà phá ngài Ca-diếp. Kế “nếu ở học địa...” thì lấy người học chưa đủ mà chỉ trích Ca-diếp.

“Ca-diếp kiết lậu ...” là lại lấy ứng nhập vô dư mà vấn nạn.

“Nếu vì lợi ...” là lấy pháp lợi tha mà vấn nạn.

Nếu Bồ-tát...” là chỉ bày đại pháp. Bèn lấy Bồ-tát lợi tha mà kết.

Căn cứ đoạn tập mà phá. Đoàn thực, Hán Thư nói: Đoàn, đâu cần phải bỏ nắm cơm vào. Đây chỉ là giả mượn chữ. Bốn cách ăn, ngài Kinh Khê nói: Là xúc, tư, thức, đoàn. Đoàn là tiếng dịch xưa, bản dịch mới không dùng, tức là uống nước cơm... đâu có thể là đoàn được. Phạm nói ăn là lấy cái nghĩa nuôi lớn. Diệt hoại thân là nói không được gọi là ăn. Như thuốc độc... tuy ăn mà không phải ăn. Xúc như lạnh... tư như ý nghĩ có thể kéo dài mạng sống. Thức như phân biệt khiến trụ được mạng sống. Người xưa có nêu nhưng không nói kỹ. Nay ý chỉ ở đoàn thực, là tiếng thừa, chỉ đi kèm. Ngài La-thập nói: Ăn có bốn thứ: Một là đoàn thực; hai là nguyện thực, như thấy túi cát mạng sống không dứt gọi là nguyện thực; ba là nghiệp thực, như ở địa ngục không ăn mà vẫn sống,

do vì tội nghiệp khiến chịu đau khổ lâu dài; bốn thức thực.

Chúng sinh vô sắc thì có tướng thức liên tục nối nhau.

Căn cứ tu đạo mà phá. Chê trách vào xóm làng tâm lỗi, có hai: a, Phân khoa. b, Tùy giải thích, Chê chung, căn cứ ở ngoài xóm giải thích mà chê. Chê ông có tâm..., ngài Kinh Khê nói: Ngài Tịnh Danh chê, là ý nói: Đã có lấy bỏ, tin mà biết vào xóm không khỏi có tâm, đâu có thể bốn oai nghi thường trụ ở đế lý. Mà có lánh và đến, tức thích người nghèo mà đến, ghét người giàu mà lánh. “Lại nếu ...” là căn cứ trong xóm giải thích mà chê, có hai: a, Chính nêu. Tụ lạc “xóm làng), thì Quãng Nhã có nói: Lạc là ở, nghĩa là người tụ họp nhau mà ở. Sở nói sở y, y tức là ở. “Trước đã ...” là kết ý: Ở trần có đời. Ngài Kinh Khê nói: Hỏi: Ngài Ca-diếp chứng không trước đã bỏ có, sao lại lấy có tâm mà trách? Đáp: Đây có hai ý:

1. Tâm không tâm vào xóm.

2. Chẳng có rõ không mà phân biệt giàu nghèo.

Muốn biết ngài Ca-diếp vào xóm thì tâm tán loạn, nhưng lấy phân biệt giàu nghèo để nghiệm tin mà biết. Không thấy lý xóm làng Viên giáo, tin Không há là không diệt định mà hiện oai nghi. Tin mà biết. Ngài Ca-diếp đã được lý Không của Tiểu thừa, nay lấy sự lý chẳng Không mà chê trách. Cho nên mỗi mỗi văn đều lấy thể Không nhập vị mà cùng chê trách.

Tiếp chê trách riêng, Trách nhãn căn, Nêu lỗi bị chê. “Cùng mù...” đến không lấy bỏ. Ngài Kinh Khê nói: Sáu căn vốn là chỗ nương của trần thức, sinh các phân biệt và ở sáu trần mà được đoạn không. Cho nên dùng như mù mà chê trách khiến hội được lý. Ngài Ca-diếp được đại ý chỉ không xuất nhập. Từ “Ca-diếp chi kiến”, là ngài Ca-diếp chỉ nhập quán khi mù, khi xuất quán cũng thấy không khác gì phàm tục. Có thấy không thấy thì chỉ không phải là mù lớn. “Bồ-tát ...” là hiển bày hay chê trách mà được, Giải thích chung. Cho nên cùng mù... ngài Kinh Khê nói: Mượn cái mù ở đời mà dụ việc không phân biệt. Thấy mà không thấy, không thấy mà thấy. Cho nên tuy nói mù mà khắp nhìn thấy pháp giới. Có thể như thế mà quán không có giàu nghèo thường gặp nhất như. Ngài Ca-diếp chưa được như thế nên nêu ra mà chê trách. Song lại nên biết mù không phải là hết lý. “Cho nên từ tai ...” thì chỉ nói như tiếng vang mà không nói như điếc. “Lại còn ...” là giải thích riêng, Căn cứ vị tương tự, Chánh nói. Ngài Kinh Khê nói: Kế dẫn Đại kinh chính đáng ở tự vị. Kế dẫn Đại phẩm không thấy..., phải biết như mù nói hạn cục không thấy bèn thông. Ba tụ là chánh định, tà định và bất định.

“ Thế thì ...” là kết chê trách. “ Thiết luân ...” là kết hiển phần chân. Ngài Kinh Khê nói: Thiết luân là dùng để phán quyết văn sau. “Năm căn ...” là nói biệt vị đồng. Do đó mà dẫn đồng luân làm chứng. Được đến sơ trụ mới có một phần vì như mù vậy. Chê trách nhĩ... bốn căn, Chỉ lỗi bị chê. Chẳng hiểu nhĩ không..., là không hiểu rõ tiếng xấu tốt như tiếng vang trong hang trống rất sợ nhà giàu ham thích tiếng tốt, không sợ nhà nghèo sầu lo tiếng xấu. Không hiểu rõ thơm thối là do gió. Gió không thơm thối. Hương đã cùng gió... thế thì không có nhà giàu hơi thơm tho ngại đạo có thể lánh và nhà nghèo mùi hôi tanh không phải ngại có thể gần. Chẳng hiểu pháp Không có tánh nhất định, do phân biệt chấp tướng, gọi đó là mùi vị, nếu chẳng phân biệt thì không phải mùi vị. Do đó mà dự tiệc trời vẫn không nhiễm, ăn chất chất đắng vẫn không ghét. Hà tất phải bỏ cơm ngon ngọt của nhà giàu mà lấy cơm đạm bạc của nhà nghèo? Tóm lược khoảng giữa nên nói “cho đến”. Như trí chứng, ngài Kinh Khê nói: Như trí kế lý, lấy chứng được lý. Cho nên khi tiếp xúc thì phải như dùng trí mà xúc thật tướng. Do không hiểu, nên khi xuất quán thì nhận xúc giàu nghèo ở ngay tại chỗ ngồi thiền mà tình có lấy bỏ. Xấu thì lấy, tốt thì bỏ, là bốn trần xóm nghèo thì lấy, bốn trần nhà giàu thì bỏ.

Tiếp hiển bày hay trách mà được, có hai: a, Giải thích chung. b, giải thích riêng. Chung thì chỉ chung lý không lấy bỏ, riêng thì bày ba đế. Năm nhãn và căn cứ vị... trên dưới đều theo như thế. Riêng giải thích tường tận như nhãn căn. Giải thích đầu: Hưng trí, chữ hưng là lằm, phải viết dữ trí kế lý. Ất chẳng bỏ lý lấy lý, tức tốt xấu đều là lý đâu cần phải lấy bỏ, mọi vật đều không, sao lại lánh hay đến. Một tướng từ tâm, tức là vô duyên từ. Từ tâm khắp đủ, không duyên tướng chân tục giàu nghèo mà sinh lấy bỏ. “ Nếu Bồ-tát ...” là giải thích riêng. Tiếp là chê trách ý căn, có hai: a, Nêu lỗi bị chê trách. Thượng quý, tự coi mình hiền gọi là căn . Thượng thư có nói: Ông chỉ không thương thiên hạ, không thể cùng ông mà tranh hơn kém. “Bồ-tát ...” là hiển hay chê mà được. Phật đáp Đức nữ... ngài Kinh Khê nói: Như trong Đại phẩm, đức nữ hỏi Phật: Trong có vô minh chẳng, cho đến không phải trong không phải ngoài có chẳng? Phật đầu tiên đều đáp không vậy. Kế nói như thế có văn nay, rất tóm tắt đầy đủ ý đó. Như huyền không phải trong ngoài, tức là ý đáp đầu của Phật. Hiện tất cả việc tức ý Phật đáp sau. Văn có hợp dụ, văn đầu là dụ, kế vô minh ...” là hợp. Bốn câu kiểm xét... là phạm nói như huyền tất bốn câu (trường hợp) suy ra khiến rõ lý. Đã lại luận về đại tiểu, nay mỗi mỗi đều lấy văn viên mà đối trách

tam tạng. Đã lấy văn Viên giáo mà chê trách tiểu, chỗ nêu Bồ-tát đạo lý phải Viên.

Trình bày pháp chánh thực, có hai: a, Phân khoa. b, Tùy giải thích, Nêu chánh thực, nói thực thể, giải thích chung. Đâu thể ăn tạp dục... ngài Kinh Khê nói: Chính nói khi ăn cần phải xứng Phật tuệ, cho nên không phải Phật tuệ đều gọi tạp dục. Cho nên biết: Ngài Ca-diếp tán tâm khi ăn và việc bỏ tà nhập chánh khi xưa đều gọi tạp dục. Đã không có Phật tuệ mà quán ắt xuất nhập khiến ăn thành tạp. Cho nên không nên ăn. Nếu lấy dục ở cõi Dục mà giải thích tạp, nói là dục thì vì ngài Ca-diếp là đồng phạm phu. Không phải tà chánh là, đều không phải là phạm tiểu tà chánh vậy. “Nhưng tà ...” là giải thích riêng, có hai: Nói lỗi bị chê trách, Xét chọn sự lý. “Thanh văn ...” là chánh nêu chỗ chê trách. Duyên lý tám tà, tức là kiến hoặc. Nêu hay chê trách mà được. Không bỏ vị thiên..., ngài Kinh Khê nói: Đối mỗi mỗi chi mà thấy thật tướng thiên, gọi là chân Bồđi xả thành thường giải thoát, trách khiến ngài Ca-diếp thấy được chân Phật tánh.

